

Bài 26: Kinh Tăng Chi (Chương 2 Pháp) - Phẩm Người Ngu | Sư Giác Nguyên giảng 07/02/2018

Xin chào đại chúng. Hôm nay chúng ta học tiếp cái phần hôm qua.

Hôm qua là bài kinh giải thích vì sao có những người chết rồi lại đi xuống, có những người chết rồi lại đi lên. Chúng tôi đã giảng sơ về thập thiện và thập ác. Trước khi đi sang phần khác, chúng tôi đọc lại chú giải thì thấy có phần này cần ôn lại cho quý Phật tử chút xíu.

Đó là, cái ông Bà-la-môn sau khi mà ông được nghe giải thích xong thì ông phát tín tâm, ông nguyện trở thành một người thiện nam. Từ chỗ đó, trong chú giải mới giải thích thêm: thiện nam và tín nữ, theo định nghĩa chính thống của Phật giáo, là gì?

Trong tiếng Pali và cả tiếng Sanskrit nữa, thì thiện nam tín nữ được gọi là: upasaka là thiện nam, Tàu âm là ưu-bà-tắc. Còn tín nữ là upasika, tức là ưu-bà-di, tức chỉ cho tín nữ hoặc cận sự nữ.

Thì các vị thấy rằng, ở trong chú giải có ghi rõ thế này, tức là tại sao lại gọi là upasaka. Thì trong đây ghi rõ: upasaka nghĩa là sao? Tức là tisanam upasati = upasaka, upasika, có nghĩa là người nào mà gần bó, gần cận với Tam Bảo, trong tam nghiệp, qua tam nghiệp, thì gọi là thiện nam hay tín nữ. Nhớ cái đó.

- Gần bó là sao? Nghĩa là nói, làm, suy tư luôn luôn gần liền với Phật pháp. Nói, làm, suy tư, cái đầu của mình luôn gần với Phật pháp; nói và làm cũng từ suy tư đó mà ra. Đó là định nghĩa một.

- Định nghĩa hai đó, là cái người nào mà có những thành tựu sau đây, nghĩa là những người nào có năm giới cũng kể là thiện tín nói chung, thiện tín tức là thiện nam tín nữ; hoặc là cái người thành tựu giới hạnh và sinh kế thanh tịnh cũng là thiện tín.

Và đúc kết lại, trong Tăng Chi Bộ Kinh, phần năm pháp, mình đang học phần hai pháp, thì Phật dạy rằng có năm cái tiêu chuẩn làm nên một người cư sĩ đúng nghĩa trong Phật pháp.

Một là saddho, tức là có cái chánh tín, tức niềm tin đi với trí tuệ.

Hai là silava, có căn bản đạo đức từ việc gìn giữ năm giới, tám giới.

Ba là na kotuhamangaliko hoti, kammam pacceti no mangalam, có nghĩa là không mê tín dị đoan, tin tưởng quàng xiên, chỉ tin nghiệp lý. Ở đây mình học thêm được một chữ nữa nha. Nay mình học được cái chữ kotuhamangaliko, có nghĩa là mê tín dị đoan. Sẵn đây học thêm chữ mới nữa. Mình là Phật tử, Phật tử Nam Tông, mà trong khi đó những từ quan trọng mà mình không biết. Dốt gì thì dốt, lười gì thì lười, nhưng mà mấy cái chữ này phải biết chứ.

Bốn, na ito ca bahiddha dakkhineyyam gavesati, tức là không đi tìm đối tượng tôn thờ ở ngoại đạo.

Năm, idha ca pubbakaram karoti, có nghĩa là luôn ưu tiên cho Tam Bảo. Chữ pubbakaram là ưu tiên.

Như vậy thì có năm cái này cộng lại thì mới được gọi là người cư sĩ.

- Một là phải có chánh tín.
- Hai là phải có giới.
- Ba là không có mê tín dị đoan, chỉ tin nghiệp lý.
- Rồi cái số bốn là không đi tìm đối tượng tôn thờ ở ngoại đạo.
- Rồi cái số năm là luôn ưu tiên cho Tam Bảo.

Nhớ nha, nhớ cái đó.

Người không có niềm tin nơi Phật pháp thì nghe năm cái này hơi kỳ kỳ, nhất là nghe hai cái sau thì nghe hơi kỳ kỳ, giống như Đức Phật Ngài dạy mình chỉ biết có Ngài thôi. Thì sẵn đây tôi nói luôn, các vị xem kinh Upali, Trung Bộ, sẽ thấy cái thái độ, quan điểm của Phật trong việc dạy đệ tử hành xử ra sao với ngoại đạo.

Ông muốn đi đến để vấn nạn làm khó Đức Phật trước mặt mọi người để thấy rằng Ngài không có như là người ta đồn thổi. Nhưng mà khi ông đến, ông gặp Ngài rồi, ông được Ngài cảm hóa, ông trở thành Phật tử. Ông có thưa với Ngài cái chuyện này: “Trước đây con theo ngoại đạo, con hộ trì, cúng dường, nuôi cơm, nuôi áo cho họ. Giờ con là đệ tử Thế Tôn, bây giờ con mà buông họ thì coi cũng kỳ, họ nói con giống như là có mới nới cũ. Nhưng trong lòng con giờ chỉ có Tam Bảo thì làm sao mà con quay lại với những đối tượng như vậy được. Thì bạch Thế Tôn, con phải làm sao

đây?”

Thì Đức Phật dạy thế này:

“Xưa giờ họ vẫn xem người là cái giếng nước, là nguồn sống, thì nay hãy tiếp tục là cái giếng nước, cái nguồn sống cho người ta. Cái chuyện đó nó không hề ảnh hưởng gì đến cái việc người là một người Phật tử, bởi vì giúp ai cũng là giúp.”

Xem lại nha, xem kinh Upali, Trung Bộ, sẽ thấy thái độ và quan điểm của Đức Phật dạy đệ tử hành xử ra sao với ngoại đạo.

Rồi, thì ôn cho bà con chút chút cho vui vậy đó. Cái đó là phần lẽ ra phải nói ở kinh trước, nhưng hôm qua hết giờ nên mình ngưng luôn.

Giờ mình qua kinh khác. Bài kinh Janussoni, ông này ông cũng hỏi Đức Phật câu hỏi giống như vậy.

Đoạn 8 & Đoạn 9

Bây giờ mình học đoạn 8 đi. Cái nào giảng rồi tôi không giảng nữa. Đoạn 8 và đoạn 9, nội dung là khẳng định giá trị của thiện pháp và sự tai hại của ác pháp, chỉ vậy thôi.

Ở đây, chúng tôi cũng phải mở ngoặc nó thêm một chút xíu về cái chuyện này. Cái tinh thần mà gọi là “làm lành lánh dữ” đó thì phải nói là nó phảng phất, nó bàng bạc, nó lan man khắp các nền văn hóa, tâm linh, tín ngưỡng từ xưa đến giờ, trước và sau khi Đức Phật ra đời. Đối với nhân loại trên hành tinh này thì cái chuyện đó không có gì lạ hết.

Nhưng mà ở đây, Đức Thế Tôn, Ngài xác nhận lại trong tư cách của một vị Chánh Đẳng Chánh Giác, một cái người mà mắt nhìn thấu muôn cõi, tấm lòng nghĩ suốt ngàn đời. Chứ còn bây giờ mà một anh nhà quê không biết chữ thì anh cũng có thể mở miệng ra nói cái đạo lý làm lành lánh dữ. Một học giả, một thương gia, một cô kỹ nữ, một người lao động, ai cũng có thể nói ra cái đạo lý này hết.

Nhưng ở đây, trong tư cách của một vị Chánh Đẳng Chánh Giác, mà trong kinh nói rằng là Ngài có những điều đặc biệt sau đây mà người khác không có.

Thứ nhất là với cái thần thái, đạo phong của một người mà coi như hiểu biết tất cả

mọi sự ở đời và thành tựu tất cả mọi đức tánh. Và có một chi tiết nhỏ xíu xiu xiu, đó là trong 32 tướng của Ngài, Ngài có một cái tướng độc đáo, đó là tướng lưỡi dài rộng, và hàm răng Ngài có 40 cái. Hai cái tướng này nó cho phép Ngài có một cái uy thần lạ lùng lắm: là cái người ghét Ngài cách mấy, bài bác, dè bủ, dèm xiêm Ngài cách mấy, nhưng mà khi Thế Tôn đã nói ra thì người ta phải tin thôi, ghét gì thì ghét.

Nhiều và rất nhiều chỗ trong kinh, ngay cả những ngoại đạo thù ghét Ngài thì họ vẫn phải xác nhận cái này: “Sa-môn Gotama không bao giờ nói dối.” Đặc biệt như vậy. Cho nên cái bài kinh này, nếu mà chúng ta biết được thêm cái chi tiết đó thì chúng ta mới thấy cái chỗ này đặc biệt.

Đức Phật Ngài khẳng định, xác định rằng: “Này Anan, Ta khẳng định cái thiện là cái chuyện phải thực hiện, cần thực hiện, nên thực hiện. Còn cái ác là cái điều cần phải tránh, nên tránh”.

Và Đức Như Lai thành tựu bốn pháp vô sở úy, có nghĩa là bốn pháp đem lại cho Ngài sự tự tại vô ngại giữa các đám đông. Tiếng Pali là Vesarajja dhamma. Tôi nói gì kệ tôi, bà con cứ vào tra Google là thấy bốn chữ này, bốn pháp gọi là vô sở úy của chư Phật.

Một: không e ngại ai nghi ngờ sự chứng đắc của mình. Đặc biệt như vậy!

Giống như bây giờ đó, các vị thấy một nhà sư uyên thâm Phật pháp, nhưng mà bây giờ ông sơ thiền ông không có, thì bây giờ nói gì thì nói, chứ khi mà ông lâm trọng bệnh, nằm trên giường chết, thì bản thân ông, ông cũng không chắc ông sẽ đi về đâu. Tại vì tối thiểu chỉ có người có sơ thiền thì họ mới biết họ đi về đâu. Bởi vì đặc sơ thiền mà nếu giữ được đến giờ cận tử thì chắc chắn họ phải về Phạm thiên rồi. Nha, đó là dóm đó, là phải sơ thiền. Xịn là phải sơ quả, thì biết chắc là mình không bị đọa. Còn ngoài ra phải nói, không có ai tin chắc chắn cái sở đắc của mình. Cho nên chỉ có chư Phật. Thí dụ ngay cả một ngài đệ tử tinh văn đi, các ngài biết chắc các ngài không có đọa, nhưng mà phải nói rằng các ngài có thể hoàn toàn gặp khó khăn khi gặp những đối thủ nhanh trí hơn mình, ma giáo hơn mình.

Thí dụ như trong kinh nói, suốt 12 năm trời, toàn kinh thành Sagala hoàn toàn vắng mặt các tỳ kheo, tu sĩ ngoại đạo chỉ vì ai cũng e ngại đối thoại với vua Milinda. Sau

đó phải nhờ ngài Nagasena ra mặt để cảm hóa vị vua uyên bác và nghịch ngợm này. Khiếp chưa.

Tức là riêng về vị Chánh Đẳng Chánh Giác thì không. Cái sự chứng đắc của Ngài không có đối thủ.

Có lần đó, vương tử Bodhi, con của vua A Xà Thế, đến hỏi Đức Phật:

“Bạch Thế Tôn, con được nghe nói Thế Tôn là Nhất Thiết Trí, bậc Toàn Giác, là cái gì cũng biết. Vậy thì khi có người hỏi Thế Tôn chuyện này chuyện kia, Thế Tôn có phải suy nghĩ trả lời hay không?”

Thì Đức Phật Ngài hỏi rằng:

“Hoàng tử có biết nhiều, biết rành về xe cộ, hoàng tử có biết nhiều về chiếc xe này không? Cái này là cái gì? Công dụng nó là cái gì? Hoàng tử có biết không?”

Thì nói là:

“Bạch Thế Tôn, con rất là rành chiếc xe này. Không có bộ phận nào trong đó mà con không biết, nó tên gọi là gì, được làm ra với tác dụng gì, gắn ở đâu, con biết”.

“Như vậy thì khi có người hỏi người về những thứ phụ tùng, linh kiện trong đó, người có cần suy nghĩ không?”

“Dạ bạch Thế Tôn, không. Bởi vì con lâu lâu: cái này là đằm, cái này là niềng, đằm, vành, trục... cái giống gì con cũng biết”.

Thì Đức Phật mới nói:

“Cũng vậy đó, với sự chứng đắc của Như Lai, là một vị Chánh Đẳng Chánh Giác, thì Như Lai không có phải suy nghĩ, đắn đo khi trả lời bất cứ nguy nan nào của chúng sanh trong ba cõi”.

Và Ngài nói luôn:

“Này vương tử Bodhi, tất cả những gì mà chúng sanh gọi là suy tư, cảm nhận, tưởng tượng, hình dung, hiểu biết, nhận thức, thì tất thảy không nằm ngoài cái biết của Như Lai”.

Khiếp như vậy. Tức là kể cả các hành tinh, thế giới mà ở đó người ta không ăn uống như mình ở đây. Thí dụ người ta uống dầu lửa, tắm bằng a-xít, thí dụ như vậy. Rồi cái cảm nhận của người ta ở đó ra sao. Rồi có những chúng sinh kỳ hình dị dạng, họ thấy

cái lỗ mũi nằm trên trán mới đẹp, thí dụ như vậy. Thì tất cả những quái gở đó là không có cái gì lạ đối với Ngài.

Còn mình, mình là thiếu kiến đa quái. Khi biết ít thì cái lạ nó nhiều. Còn Ngài thì không có cái gì Ngài thấy lạ hết. Ngài biết con dòi nó thích ăn cái gì, con sâu nó thích ăn gì, con voi thích ăn gì, con cá nhà táng thích ăn gì, dân Ả Rập họ thích ăn cái gì, Phạm thiên họ hoan hỷ trong cái gì, Dục thiên thích cái gì, dạ xoa, càn thất bà, kim xí điểu, long vương, cừu-bàn-trà, mỗi loài thích cái gì, ghét cái gì, Ngài biết hết á.

Cho nên Ngài nói là Như Lai vì thông suốt hết tất cả pháp giới, cho nên Như Lai không có phải suy nghĩ khi trả lời bất cứ nguy nan, vấn nạn nào của tất cả chúng sinh. Cho nên ở đây, khi mà Ngài xác nhận rằng: “Này Anan”, hoặc là: “Này các tỳ kheo, Ta khẳng định rằng thiện là cái phải làm, và ác là cái nên tránh”, là Ngài nói bằng cái tư cách, nói từ cái vị thế của một vị Chánh Đẳng Chánh Giác. Nha, nó quan trọng cái chỗ đó.

Chứ còn cái đạo lý làm lành lánh dữ thì đời đời nó bàng bạc, nó phảng phất, nó lan man, khắp nơi ai cũng biết, ai cũng nghe. Nó đặc biệt cái chỗ đó. Cho nên đây là lời nói của vị Chánh Đẳng Chánh Giác. Vô phúc là mình không gặp được Ngài, chứ nếu mình gặp được Ngài thì chỉ một, hai câu của Ngài đủ để mình sống suốt đời.

Thí dụ như “khổ”, Ngài chỉ nói mình một câu thôi: “Khổ vui đều là chiêm bao con ơi, thích ghét chỉ là ảo tưởng con ơi”. Một phát là xong. Ôm cái câu đó về là sống suốt kiếp. Thích và ghét, khổ vui chỉ là chiêm bao thôi con ơi. Cái này bao nhiêu ông thầy Tăng Ni đều có thể nói, nhưng mà cái ép-phê thì không.

Còn mình nhìn Ngài thì mình đã thấy không còn muốn giữ cái gì trên tay hết. Nhìn Ngài rồi, mái tóc trên đầu mình còn không muốn giữ nữa. Đôi dép mà mang dưới chân, mình còn muốn tháo ra để được đi đầu trần chân đất.

Tôi còn nhớ có một vị tỳ kheo, lúc đó Ngài mới vừa cấm thôi, mới vừa cấm chư Tăng giặc chiều không có ăn. Lúc đầu thì Ngài không có cấm, tại có nhiều vị buổi chiều đói ăn, mấy vị phạm đó, chứ còn Thánh thì không. Tất cả các vị Thánh từ Tu-đà-hoàn trở lên, Thế Tôn sống ra sao thì các vị sống y chang như vậy. Còn riêng mấy vị phạm thì giặc chiều đói quá, có ôm bát đi, có.

Thì lúc đó Đức Thế Tôn mới cấm. Đức Thế Tôn mới nói rằng: “Từ nay về sau các tỳ kheo không có ăn chiều, ngày ăn một bữa thôi”. Tức là stop trước 12 giờ. Ngài không xài chữ 12 giờ, tức là trước giữa ngày đó, trước giờ Ngọ đó.

Thì lúc đó có một vị tên là ngài Bhaddali, xem kinh này trong Trung Bộ. Thì vị này nè, cũng tiếp tục đi bát. Khi mà chư Tăng biết chuyện đó mới vào thưa với Phật. Thì Đức Phật đã nói câu này:

“Này Bhaddali, nếu mà một vị Tu-đà-hoàn thôi, tức là tăng Thánh thấp nhất, mà Như Lai có kêu họ nằm xuống để Như Lai dẫm chân lên họ, họ vẫn hoàn toàn vui vẻ và vâng phục”.

Đấy. Hoàn toàn vui vẻ và vâng phục, một cách tự nguyện. Và ngay cả bản thân tôi, thì phải nói nếu vì một lý do nào đó mà

Thế Tôn ngài ngỏ lời như vậy, thì tôi nghĩ là tôi có thể chết cho ngài, chứ đừng có nói cái chuyện dẫm lên người của tôi, nha. Mà may mình là còn phàm đó.

Thì ở đây ngài nói: “Này Bhaddali, nếu mà một vị Tu-đà-hoàn thôi, tức là tăng Thánh thấp nhất, mà Như Lai có kêu họ nằm xuống để mà Như Lai dẫm chân lên họ, họ vẫn vui vẻ làm theo, thì xá gì cái chuyện mà Như Lai đề nghị bỏ bữa ăn chiều, mà tại sao người làm không được?”.

Chỉ một câu nói này thôi, thì vĩnh viễn từ đó về sau, Tôn giả Bhaddali cho đến khi đắc A-la-hán không còn ăn chiều nữa. Chỉ một câu đó thôi, khiếp như vậy.

Một người đã hiểu Phật, hiểu Pháp rồi, thì họ trọn vẹn niềm tin. Và niềm tin đó không phải cái sự mù quáng, cuồng tín, quàng xiên, mà họ hiểu rõ Thế Tôn là đại diện, tiêu biểu, biểu trưng, biểu tượng cho Chánh Pháp, cho Thiện Pháp, cho cái lành ở đời.

Và như hôm qua tôi nói: “Ta sống thiện không phải là vì đối tượng ta hành thiện là ai, mà ta sống thiện bởi vì ta là ai.” Không biết trong room có hiểu câu này không ta. Khi mình hiểu Phật Pháp đến một mức nào đó, thì ta thấy cái câu này: ta hành thiện, ta vị tha, ta chơi đẹp, ta có nghĩa cử đẹp với người khác không phải là vì đối tượng đó là ai, mà bởi vì ta là ai.

Cho nên ta không giết. Ta là ai, nên ta không có trộm cắp, không tà dâm, không vi phạm các học giới, ta không làm các điều ác trong tam nghiệp, nha. Cho nên cái bài

kinh này rất là xuất sắc, rất là sâu, nha. Hiểu rộng, hiểu sâu thì bài kinh này mới phê, chứ còn mà lơ mơ, lơ mơ, cái vụ làm lành lánh dữ này ở đâu cũng có, đời nào cũng có, đạo nào cũng có, thì bài kinh này có gì hay? Nhưng mà thăm thía mấy cái kia thì mới thấy nó xuất sắc, nha.

Tiếp theo là đoạn số 10 và đoạn số 11.

Đoạn 10 và 11 nói về lý do Đạo mất và còn. Đã chưa? Cái bài kinh này nó dài sọc, tui gom nội dung lại có 2 thôi: nói về lý do Đạo mất và còn. Đạo mất tức là sự hưng vong của Chánh Pháp, Phật Pháp.

Xem thêm Tăng Chi Bộ, phần 5 Pháp. Ở trong đó Đức Phật ngài kể một loạt các lý do dẫn đến việc mất pháp.

Mất pháp là sao? Ở đây cái tinh thần của Chánh Pháp muôn đời là vậy, nhưng mà “mất” ở đây là cái thời kỳ mà người ta không còn biết tới nữa, thì gọi là mất pháp. Chứ không phải mất pháp ở đây nghĩa là cái cây nó héo, mà là người ta không còn biết tới cái cây đó nữa. Không biết trong room có hiểu cái này không ta? Mất pháp có nghĩa là không còn người biết tới nữa, chứ không phải Pháp không còn giá trị nữa.

Thí dụ như bây giờ, cách đây 500 năm về trước, thì bao nhiêu vấn đề khoa học bây giờ nè, thì nó đã có rồi. Nguyên tắc, công thức, định lý gì gì đó, toán lý hóa lúc đó đã có rồi. Không cần đến mấy ông như là Ác-si-mét (Archimedes), O-clít (Euclid)... không cần mấy ông đó nó đã có rồi, trước khi mấy ông ra nó đã có rồi. Nhưng lúc đó người ta không biết. Thì nhờ mấy vị đó ra đời, thế là nhân loại bèn biết tới mấy cái này, nha.

Thì ba cái công thức, ba cái định lý, ba cái nguyên tắc mà làm nên cái iPhone bây giờ, Samsung Note 8 bây giờ nè, nó là luật trời đất bao đời muôn thuở rồi. Nhưng mà cái chuyện mình phanh phui, mình vạch rõ, mình phát hiện, mình phát minh, mình lôi nó ra từ trong cái bóng tối của thiên nhiên để mình thực hiện ra những cái sản phẩm, thì đó là cái chuyện mới đây, nha.

Thì mất pháp là vậy đó, mất pháp. “Pháp” là muôn đời công thức của trời đất, chứ không có gì hết trơn. Nhưng mà “mất” ở đây là lúc người ta không biết tới nữa.

Thì Đức Phật ngài dạy rằng có 2 lý do dẫn tới chuyện mặt pháp.

- Một là, bây giờ mình phải xài cái chữ mới thôi, nguyên văn kinh điển không có được giữ nguyên, bị thêm bớt, sửa chữa tùy tiện.

- Hai là, ý nghĩa của kinh điển bị diễn dịch, giải thích tùy tiện, không có cơ sở căn bản.

Đây là 2 lý do. Chứ còn trong đây bà con phê lắm, bà con đọc bị đuối á. Một là văn cú bị đảo ngược, hai là ý nghĩa bị hiểu lầm.

Thì ở đây tôi mới nói bằng cái ngôn ngữ của mình. Một là nguyên văn kinh điển không được giữ nguyên, bị thêm bớt, sửa chữa tùy tiện.

Tôi ví dụ như này, một đoạn nhỏ xíu thôi. Là ở trong kinh Chiếc Bè, ở Trung Bộ có cái câu này:

“Này các Tỳ-kheo, những gì mà các người đã học hỏi, đã thọ trì để mà từ đó có cái hành trang tu tập, phải được xem là chiếc bè qua sông. Qua sông rồi thì bè phải bỏ lại. Này các Tỳ-kheo, Chánh Pháp còn phải bỏ, hà huống là phi pháp, ác pháp.”

Các vị thấy cái câu này chưa? Nhưng bây giờ người ta nhớ không có rõ, người ta lật ngược lại: “Ác pháp còn phải bỏ, huống chi là Chánh Pháp.” Các vị coi cái câu này nó kỳ lắm. Các vị thấy cái câu này nghĩa có giống không ta? Tôi thấy hình như là hơi khác, phải không ta?

Tức là cả 2, Ngài kêu mình bỏ hết. Cả hai đều bỏ hết, nhưng mà đảo ngược trật tự câu nói, trật tự của 2 vế, thì cái ý nghĩa nó khác đi so với bản gốc.

Tức là những gì các người học hỏi, thọ trì đều phải được xem là chiếc bè qua sông thôi. Qua sông rồi thì bè nào cũng phải bỏ lại hết á. Thì Phật Pháp, kinh điển là lý thuyết, là tấm bản đồ. Mình học được bao nhiêu mình hành trì bấy nhiêu. Nhưng mà khi mình lại hiểu đó là kiến thức của tôi, vinh dự của tôi, là cái hay của tôi, là trí tuệ của tôi, là sở đắc của tôi, thì là bậy rồi.

Sẵn ở đây tôi cũng xin thưa với quý vị một chuyện nho nhỏ, mà tôi cũng rất là bận tâm. Đó là lâu nay và đặc biệt gần đây, khi mà các phương tiện truyền thông như là Paltalk, Facebook mà được sử dụng rộng rãi, dễ dàng, rộng rãi, nhanh chóng mọi nơi, thì nó bèn xuất hiện ra cái hiện tượng là có những vị muốn mở nhà hàng mà chỉ có

trong tay toàn đồ hộp với đồ khô, bún với hủ tiếu phở làm sẵn thôi. Ừm, nó khổ vậy. Cho nên đêm hôm qua, có một người Phật tử gửi tôi một clip, tôi đọc, tôi nghe mới hết hồn. Vị này nói rằng, tự trước hết vị này nói rằng: “Bản thân tôi, tôi”, tức là vị đó đó, “không có học về A-tỳ-đàm, bởi vì cái A-tỳ-đàm này nè là được thuyết trên cõi Trời cho chư Thiên.”

Mà vị này thay vì nói cõi Đạo Lợi, thì vị này nói lộn, vị này nói cõi Đâu Suất. Mà cõi Đâu Suất toàn là cái chỗ của các vị Bồ-tát không à, cho nên cái đầu, cái não của mình phải chờ các vị Bồ-tát mình mới hiểu được cái A-tỳ-đàm. Và vị này xác nhận là vị này không học là bởi vì vị này tự xét rằng mình không bằng các vị Bồ-tát. Đó là cái luận điểm thứ nhất.

Cái luận điểm thứ hai, vị này nói rằng là: “Học cho nhiều mà không hành á ...”. Cái câu nói này nó hay mà nó nguy hiểm.

Vị này nói là: “Trong kinh nói rằng học nhiều mà không có hành là rỗng không.” Cho nên vị này chủ trương là mình không cần học gì hết, mình chỉ cần tập trung pháp môn hơi thở thôi, chứ mình học cho nhiều mà mình không hành hết các điều mình học thì vô ích.

Tôi nghe đó, tôi giật mình. Tôi giật mình là nếu một người sơ cơ mà nghe cái đó, mà họ tin theo thì chết rồi. Nếu cái này mà qua tới Miến Điện, Tích Lan, họ nghe một ông sư Việt Nam nói như vậy thì không biết họ nghĩ ra sao.

Tôi nói cho các vị nghe, tôi thưa các vị, tôi hỏi các vị một chuyện nhỏ xíu thôi. Đó là tôi được các vị nhắc nhở về vấn đề vệ sinh và dưỡng sinh. Tôi có nói thế này: biết chi cho nhiều những chuyện đó, trong khi mình ăn uống không cẩn thận, thuốc men không cẩn thận, không vận động, không coi nặng vấn đề dưỡng khí, phơi nắng, nước dùng, thì bao nhiêu kiến thức y học không có xài được.

Sau khi tôi nói xong, tôi phủ nhận toàn bộ lý thuyết, những nguyên tắc về y học, về thuốc men. Tôi chỉ chủ trương xài thuốc Nam theo kiến thức hai lúa và úp nếp của tôi, thì các vị nghĩ làm sao? Cho dù vị bác sĩ đó ông có nghiện ngập, có chích hút, có như thế nào đi nữa, nhưng mình không thể nào đem một lý thuyết rất dối dân gian mà mình đánh bật đi vai trò, giá trị và ý nghĩa của nguyên một nền y học của thế giới.

Cái đó rất là nguy hiểm, rất là nguy hiểm.

Tôi xin thưa lại một lần nữa, cho dù tôi có là một người cư sĩ tám vợ và mười hai con, nhưng mà tôi cũng phải học giáo lý. Bởi vì nếu không biết giáo lý mà chỉ cắm đầu vào đó, chỉ một pháp môn niệm Phật là đủ rồi, niệm hơi thở là đủ rồi, thì bữa nay nghe nó ok. Nhưng một lúc nào đó, tôi ngồi lại một mình tôi với cái đầu, cái não trạng phàm phu của tôi, có biết bao nhiêu là vấn đề mà tôi không thể hiểu ra, thì lúc đó pháp môn hơi thở, niệm Phật có giúp được cho tôi hay không?

Và nếu nói rằng chỉ cần hành trì một thứ thôi thì tôi xin thưa, câu nói này không sai nhưng mà nó rất là nguy hiểm. Bởi vì ai trên đời này mới có tư cách nói câu đó? Khi nào là một bậc Thánh, họ mới có quyền nói câu đó. Họ nói rằng không cần học nhiều, chỉ cần tu tới nơi tới chốn một thứ thì đã ok rồi. Nhưng nếu mình là phàm phu, chưa gì hết mà mình đã phủ nhận toàn bộ những thứ mà mình không biết thì cái này nó hơi kẹt.

Các vị còn nhớ “đoạn kiến” nó có ba:

- Một là vô nhân kiến: cho rằng mọi thứ ngẫu nhiên mà có, không hề có khái niệm nhân duyên và điều kiện hỗ trợ.
- Hai là vô hành kiến: cho rằng thiện ác không có khác nhau, vấn đề thích hay không thích, làm hay không làm thôi.
- Nhưng cái thứ ba mới ghê. Ba là vô hữu kiến: là phủ nhận triệt để, toàn diện những gì mà bản thân mình không hiểu được, không chứng minh được. Thí dụ như nghiệp báo, luân hồi, Niết-bàn, Thánh nhân, đấng chứng, Thánh trí, bla bla... kiếp trước kiếp sau, thiên đường địa ngục. Bất cứ cái gì mà tôi không chứng minh được, tôi không thấy được, có nghĩa là nó không có. Nhận thức này được gọi là vô hữu kiến, tức là đoạn kiến đó các vị biết không. Nó nguy hiểm lắm.

Nên khi nói đến chỗ mạt pháp thì tôi cũng phải thưa rõ. Có nhiều chỗ Đức Phật Ngài dạy có nhiều lý do, nhiều nguyên nhân dẫn đến mạt pháp. Mà ở đây, trong đoạn kinh này thì Ngài nói đến hai lý do thôi. Hai là nói gọn chứ không có ít đâu. Gọn chứ không phải là thiếu. Gọn có nghĩa là đủ một cách đơn giản. Đủ một cách đơn giản thì gọi là gọn, còn nếu đơn giản mà thiếu thì người ta không gọi là gọn.

Có nghĩa là, thứ nhất là về nguyên văn Chánh điển. Bởi vì kinh điển chỉ có hai thôi: nguyên văn và nghĩa lý. Nguyên văn không được tôn trọng; và thứ hai, nghĩa lý bị diễn dịch tùy tiện.

Và tôi cũng xin van xin hoặc là năn nỉ tất cả Phật giáo đồ là làm ơn đừng có hiểu kinh điển theo kiểu tra từ điển là chết. Như có bữa đó, tối nay tôi còn nhớ người họ hỏi tôi: “Tại sao có những từ trong Phật pháp không thấy trong từ điển Nguyễn Văn Lâm?” Là tôi hết hồn rồi. Chưa kể mình cứ mở bản dịch tiếng Việt ra là mình cứ đem vốn liếng tiếng Việt ra mình hiểu kinh điển, là tiêu kinh điển.

Y kinh giải nghĩa, tam thế Phật oan; ly kinh nhất tự, tức đồng ma thuyết. Cứ ôm chặt từng chữ mà hiểu là nói oan chư Phật, chư Phật có nói như vậy bao giờ đâu. Tuy nhiên, rồi kinh một tí ti là đã nói lời của ma rồi, thưa quý vị.

Và một chuyện nữa, nó quan trọng lắm quý vị à: là mình dốt, mình hiểu sai, trước là hại cho mình, sau là hại cho người khác. Chẳng những hại đời này mà còn hại nhiều đời nhiều kiếp.

Tôi bây giờ cố nhắc đến một chuyện mà tôi vừa ngậm ngùi vừa xót xa, mà có hơi tức tức. Là biết bao nhiêu người đi chùa mấy chục năm mà một tí ti căn bản giáo lý không có.

Tôi có biết một người ở Houston, coi như là rất rộng tay, rất hào sảng để bố thí, mà giáo lý thì chớ thềm học một chữ. Cho đến bây giờ vẫn còn tin mầu. Quý vị trong room có biết thờ mầu, thờ mẹ, thờ mấy cái bà mà ngay cả nguồn gốc sử học đã là mơ màng rồi, còn cương lĩnh giáo lý là coi như trớt quớt.

Bởi vì thờ mầu, tín ngưỡng mầu, tứ mầu, niềm tin tứ phủ gì ở ngoài Bắc, mà Phật tử Nam Tông nha, đọc kinh Pāli nha, mà cứ quờn quờn về nước là đi kiếm mầu này mầu kia, đền này miếu nọ. Có lần bà kể tôi nghe mà tôi dòm sững bà. Bà vừa kể bà vừa khóc, bà nói: “Trời ơi, con về tới nơi con nghe nói mẹ bây giờ đang sống khổ lắm, mẹ ở trong cái nhà lá mà coi như là không có ai lo hết.”

Tôi mới ngạc nhiên, tôi mới hỏi: “Mẹ nào cô?” Tại tôi biết cái đó chắc chắn không phải của bà rồi.

Thì bà mới nói: “Dạ, thì mẹ đó, mẹ mà con thờ đó. Bây giờ mẹ xuất hiện lúc thì ở

thân này, lúc thì ở thân kia. Mà bây giờ con về, con gặp thằng honda ôm thì nó nói bây giờ mới phát hiện ra thêm một mẹ nữa, ở đâu ở trong bụng trong biển gì đó, bây giờ nghèo dữ lắm. Mà giờ mẹ quờn quờn là mẹ ợ, mẹ ngáp, rồi bắt đầu mẹ nói tùm lum tà la...”

Thì đó, Phật tử Nam Tông mà như vậy thì thiệt tôi cũng bó tay.

Cho nên nhớ cẩn thận. Khi mà các vị giàu có, có nhan sắc, có tiền bạc, có sức khỏe, có uy tín, có tiếng tăm gì đi nữa, nhưng nếu mà nhận thức của mình về đời sống, về đạo đức, về vũ trụ, về nhân sinh mà nó có vấn đề đó, thì

Mình chỉ là con chuột ở trong cái chuồng bằng vàng thôi. Là vì sao? Vì toàn bộ đời sống của chúng ta nó được thiết lập trên nền tảng nhận thức, kính thưa quý vị.

Tức là tôi rất là giàu, tôi có 8 cái bằng đại học, tôi có 15 tỷ ở trong nhà băng, tất cả những gì mà người ta ao ước tôi có hết. Nhưng có một điều: tôi tà kiến. Một là tôi không tin cái gì mà tôi không chứng minh được. Hai là tôi tin tùm lum tà la, quàng xiên ông tà ông táo. Thì các vị tưởng tượng, một cái ông tỷ phú mà có 8 cái bằng tiến sĩ, mà trong nhận thức có một cái lỗi như vậy đó, thì các vị nghĩ cái đời sống tinh thần của tôi nó trực trặc cỡ nào.

Cho nên, ngày nào Chánh Pháp còn ở đời thì chúng sanh còn được sống trong nguồn sáng.

Và Chánh Pháp sẽ mất đi khi mà cái người kế thừa là chúng ta mắc vào một trong hai cái lỗi này:

- một là không tôn trọng nguyên văn, trật tự câu cú trong kinh điển, Chánh văn;
- hai là tùy tiện giải thích, suy diễn, diễn dịch ý nghĩa của kinh điển.

Rồi. Bây giờ tiếp theo là phẩm Người ngu, từ đoạn 1 đến đoạn 10.

Thì ở một cái đoạn kinh khác, Đức Phật Ngài có dạy thế này, chắc chắn ai đọc Kinh tạng sẽ nhớ chỗ này: “Cái ánh bình minh là cái biểu hiện cho biết một ngày mới sắp đến; cái ánh hoàng hôn cho biết là một ngày cũ sắp qua; mây đen, gió, hơi lạnh biểu hiện cho biết trời sắp mưa, v.v...”

Cái gì trên đời này, trước cái sự xuất hiện của nó, nó cũng có những dấu hiệu, hiện

tượng. Và một cái hoa, một cái trái, một động vật thì luôn luôn có những cái mùi, màu, biểu trưng, biểu tượng để người ta nhìn vào người ta đoán ra nó. Thì cũng vậy, tức là điềm báo trước hoặc là cái hiện tượng biểu lộ ngay trước mắt.

Thì ở đây, Đức Phật Ngài dạy rằng: “Đời nó có hai hạng: người trí và người không có trí.” Ở đây xài chữ “ngu” thì nó nặng quá đi, cho nên tôi mới dùng chữ “người trí” và “người không có trí”. Chữ “trí” ở trong Đạo Phật không có nghĩa là bằng cấp, học vị, lanh lẹ, mà chữ trí ở đây có nghĩa là người biết nhận thức phải quấy, thiện ác, nên và không nên; biết nghĩ đến cái việc gì có thể hại mình hại người để tránh, việc gì lợi mình lợi người để làm, lợi ích đời này và đời sau. Thì tất cả những cái đó cộng lại được gọi là người trí. Mình phải định nghĩa như vậy.

Thì Đức Phật Ngài trước hết, trong cái đoạn kinh số này nè, Ngài dạy: “Trên đời này cái người thiếu trí thì có hai trường hợp: một là không thấy được lỗi mình, hai là được nhắc nhở cũng không chấp nhận.”

Cho dầu mình có tệ đó, mình lọt vào cái hạng thứ nhất là không thấy được lỗi mình, thì ít ra mình cũng phải né được cái trường hợp thứ hai. Không tự thấy được lỗi mình, nhưng nếu được người khác họ nhắc thì cũng ráng mà hiểu ra để mà sửa chữa.

Còn đẳng này mình lọt vào cái hạng thứ nhất là không có khả năng tự thấy lỗi mình, mà mình lại kiêm nhiệm luôn cái loại hai nữa, đó là có người khác nhắc cũng không thèm chấp nhận, thì hết cứu.

Trong Kinh, cũng Tăng Chi nữa, thì Đức Phật Ngài dạy: “Có người mà họ lọt xuống cái hố phân ấy, họ lọt đến cái mắt cá, đến đầu gối, đến thắt lưng, Ngài còn cứu được; lọt tới ngực, tới cổ, Ngài cứu được; thậm chí ngập qua khỏi trán, ló một chút xíu búi tóc, Ngài cũng còn cứu được.” Bởi vì chỉ cần ló ra một chút ít gì đó, Ngài biết người ta ở đâu, Ngài có chỗ Ngài nắm. Nhưng Ngài nói: “Có những người họ lọt vào hố phân, hố sinh mà sâu tới mức một sợi tóc cũng không ló lên thì người ta biết đường đâu mà người ta cứu.”

Thì ở đây cũng vậy, chúng ta có bất thiện cỡ nào đi nữa đó, thì nói một câu nó hơi nặng, nhiều người ghét chúng tôi thì họ sẽ chửi chết luôn ... Mình có bất thiện cỡ nào đi nữa, mình cũng phải chừa một cái đường, đó là khi người ta nhắc mình hiểu. Chứ

mình không có là, gọi là không tự thấy là đã đui rồi, mà người ta nói cũng không thèm nghe nữa là điếc. Đó thuộc về khuyết tật bẩm sinh là mệt lắm. Mà đã người ta nói mà không hiểu, lại đâm ra khùng nữa, vừa đui vừa điếc vừa khùng.

Cho nên cái biểu tượng của người ngu là gì? Một là không tự thấy được lỗi mình, hai là người ta có nói mình cũng trống rỗng, trống rỗng như là gỗ đá.

Và thế nào là người trí? Người trí là người có một trong hai khả năng sau đây, nếu có được cả hai thì quá tuyệt. Cái biểu hiện của người trí: một là có khả năng thấy lỗi mình, và cái khả năng thứ hai là sẵn sàng chấp nhận cái sự nhắc nhở của người khác.

Sự nhắc nhở có hai trường hợp: một là sự nhắc nhở bằng thiện chí, hai là sự nhắc nhở bằng ác ý. Nếu mà người ta nhắc nhở bằng thiện chí hay ác ý mà người ta nhắc đúng, thì thiện chí hay ác ý không quan trọng nữa, mà cái quan trọng nằm ở chỗ nó đúng. Còn nếu người ta nhắc nhở bằng thiện chí hay ác ý mà nhắc sai, thì coi như gió thoảng, coi như không nghe gì hết. Còn nếu mà người ta nhắc đúng, thì dầu là thiện chí hay ác ý, tôi nói kể cả ác ý, người ta nói cho mình nhụt chí, người ta nói cho mình đau lòng, người ta nói cho mình mất lửa, cháy sạch năng lượng, thì không sao hết, miễn là người ta nói đúng.

Thì đó là bậc trí: một là có khả năng tự thấy lỗi của mình, hai là sẵn sàng có khả năng đón nhận, lắng nghe sự góp ý của người khác, bất kể đó là thiện chí hay ác ý.

Chứ còn mà theo tôi biết, có nhiều người họ nói thế này: “Biết nó nói đúng, nhưng mà nó không có thương mình đâu, nó nói để nó chọc mình, nó chọc tức mình, nó nói cho mình nhụt chí đó.” Thì tôi không đồng ý cái này. Miễn là nó nói đúng, dù nó là cái mũi thuốc Penicillin, đau thiệt, thì dầu cho cái người chích mình là người yêu của mình hay kẻ thù của mình, mà miễn là liều thuốc trụ sinh đó là cần thiết cho lúc này, thì nó đau cỡ nào cũng phải nhận. Đó là kẻ thù chích hay người yêu mình chích thì cũng phải chấp nhận, bởi vì đó là cái liều thuốc mà mình đang cần.

Chỉ có người trí mới có đủ bản lĩnh để sống đúng với hai cái này: một là khả năng tự thấy lỗi, hai là khả năng chấp nhận được lời nhắc lỗi của người khác.

Kinh nói: “Người nhắc lỗi cho ta là người chỉ cho ta kho tàng.” Cái câu này phải nói là nó chua lắm, khó chấp nhận lắm, bởi vì người phàm mình khoái khen, khoái nịnh,

khoái ngọt. Cho nên tôi nhớ, một cái lời ngọt ngào mà dối trá, nó cũng dễ chấp nhận hơn cái lời chân thật mà nó làm cho mình đau lòng.

Rồi từ đó mới dẫn đến cái chuyện đàn ông yêu bằng mắt, thấy vừa mắt là khoái bất kể nội dung còn lại; còn đàn bà yêu bằng tai, có nghĩa là nàng nghe

Nói suông suông là “nàng đội bàn thờ đi theo”, thì cái đó là kiểu thông minh của mình đó. Yêu bằng mắt hay yêu bằng tai đều không xài được, mà phải cảm nhận đời sống bằng trí. Là vì sao? Là vì trong cơ thể chúng ta không chỉ có mắt, không chỉ có tai, mà mình có tim và có cái đầu nữa.

Cho nên khi mình có cả sáu căn mà mình chỉ tin con mắt mình không, coi như là mình xài có con mắt mà mình quên năm căn còn lại. Mà chỉ tin có lỗ tai mình không, thì mình chỉ xài cái lỗ tai thôi và mình bỏ năm căn còn lại. Như vậy thì gọi là khuyết tật tự nguyện. Nhớ nha. Khoái chỉ tin vào mắt, chỉ tin vào tai thôi, đó gọi là khuyết tật tự nguyện. Mà bà già mình để mình ra, mình đâu có khuyết tật đâu, các căn đầy đủ. Vậy mà lớn lên đành đoạn: đàn ông thì tin mắt, đàn bà tin tai. Như vậy là khuyết tật tự nguyện.

Rồi tới đoạn 3 đến đoạn 6 là Phật nói về hai hạng người. Khoan, Phật nói về hai cái thái độ của chúng sinh đối với chư Phật. Ở đây xài chữ Như Lai mà tôi lại dám nói là chữ “chư Phật”, là vì sao? Là vì Đức Phật Thích Ca chính là bóng dáng trung thực của chư Phật ba đời mười phương. Có nghĩa là chư Phật ở không gian nào, thời gian nào thì về nội dung tâm linh, nội dung tinh thần hoàn toàn y chang như nhau về từ bi, trí tuệ, thiền định, đức hạnh; chỉ có khác nhau về hình thức vật chất.

Thí dụ như có cái thời chúng sanh cao lớn, thời chúng sanh thấp bé, hoặc có những vị Phật ra đời nhằm lúc chúng sanh giàu sang, thịnh vượng, sung sướng như thời Đức Phật Di Lặc, trên hành tinh này không có cái chuyện đói nghèo, bệnh tật. Ngay cả thiên nhiên cũng không có hầm hố, gai góc, độc trùng, mãnh thú. Cái thời đó như vậy. Cây cỏ thì thôi, coi như trên trời chỉ có mây trắng, trời xanh, nắng vàng; ở dưới là thảm cỏ xanh, những bầy nai hiền, rồi bồ câu, rồi thỏ, rồi sóc, thanh thản, chung sống hòa bình.

Đó là những khác biệt của chư Phật, chút chút cho vui. Chứ còn về nội dung tâm linh,

tinh thần thì tất cả chư Phật ba đời mười phương đều giống y chang nhau.

Cho nên ở đây, từ đoạn 3 đến đoạn 6, Đức Phật ngài dạy có hai thái độ của chúng sinh đối với chư Phật là vì cái ý này. Thứ nhất là ngài dạy rằng trên đời này có hai hạng: một hạng người đối với chư Phật, họ có thái độ xuyên tạc; và thứ hai là người không xuyên tạc chư Phật. Tất cả chúng sanh chỉ có hai thái độ đó thôi: xuyên tạc và không xuyên tạc.

Hiếu sai chư Phật

Thì sẵn cái chỗ này tôi đành cắn răng mím môi để nói một chuyện rất đau lòng. Đó là đọc vào cái đoạn này mình mới hết hồn, mới giật mình thảng thốt khi mình nhìn lại: hình như là trong số những người mà miệng nói tin Phật, thờ Phật, lạy Phật, tu Phật, học Phật, thương Phật, mến Phật, quý Phật, là có không ít người lại lọt vào trường hợp xuyên tạc Phật.

Vì sao? Là bởi vì trong đây có nói rất là rõ, đó là cái hạng số một là phủ nhận lời Phật và vinh danh một lời không phải lời Phật. Phủ nhận lời Phật có nghĩa là cái điều đó Phật có nói mà tại mình không có biết, mình không có thích.

Sẵn ở đây tôi cũng xin thả nén hương lòng hướng về mọi người. Thả nén hương lòng là lòng tôi chân thành thiết tha, có Tam Bảo ba đời mười phương chứng giám, và có long thần hộ pháp, Cửu Huyền Thất Tổ ... Đó là có một trường hợp rất đau lòng: một vị tu nữ người Việt Nam, có bằng tiến sĩ, đã đành đoạn phán rằng: “Tám trọng pháp tỳ kheo ni là do đời sau đơm đặt, thêm thắt, chứ một vị Phật đầy từ bi trí tuệ như Thế Tôn thì không thể nào mà đưa ra tám trọng pháp tỳ kheo ni hết.”

Tám trọng pháp là cái gì? Tiếng Pali là garudhamma, tức là tám điều kiện tiên quyết và bắt buộc mà một tỳ kheo ni buổi sơ thời Phật pháp. Sơ thời là sao? Có nghĩa là đời Thế Tôn trụ thế hoằng dương có 45 năm, chia thành ba giai đoạn: sơ thời, trung thời và hậu thời. Sơ thời là 15 năm đầu, trung thời là 15 năm giữa và hậu thời tức là 15 năm cuối.

Thì trong buổi sơ thời mới có giáo đoàn tỳ kheo ni, là bởi vì lúc đó Đức Thế Tôn, ngài đã xét thấy sự có mặt của một ni chúng rất là nguy hại cho sự tồn vong của chánh pháp. Tôi nói gọn thôi. Vì sao thời Đức Phật có giáo đoàn ni chúng? Là vì thời

chư Phật còn tại thế có quá đông thánh nữ, những vị cư sĩ nữ chúng La Hán, mà nếu họ không được sống trong hình thức xuất gia thì họ bắt buộc phải viên tịch, Niết-bàn trong vòng bảy ngày. Có chỗ nói một ngày, có chỗ nói là bảy ngày. Thôi bây giờ tôi lựa cái chắc ăn là bảy ngày. Tất cả những vị La Hán nữ nếu không được sống trong hình thức xuất gia thì bắt buộc phải viên tịch trong vòng bảy ngày.

Đây là lý do mà tất cả chư Phật ba đời mười phương đều phải có giáo đoàn ni chúng để không xảy ra tình trạng đó. Nhưng mà chính Đức Phật, trước khi ngài chấp nhận thành lập ni chúng, ngài đã ba lần từ chối ngài Anan. Ngài nói: “Giống như trong một cánh đồng mà có nhiều châu chấu, trong nhà có nhiều chuột, trong một gia đình thiếu bóng dáng đàn ông mà lại nhiều người nữ thì chỉ có họa chứ không có phúc.”

Các vị làm ơn xem lại trong kinh giùm tôi. Không nữa, một là vô Google đánh giùm tôi cái chữ “nguồn gốc ra đời tỳ kheo ni”, hoặc là lên hỏi ngài Hộ Pháp ở núi Dinh. Ngài Hộ Pháp ở núi Dinh hoặc ngài Tịnh Giác ở chùa Giác Quang quận 8, TP. Bác, coi có phải không.

Thì từ chối là vậy, nhưng sau đó Thế Tôn vẫn chấp nhận với tám điều kiện cho ni chúng được xuất gia, đắp y áo giống hệt như tăng chúng. Tỳ kheo ni 100 hạ cũng phải quỳ đánh lễ tỳ kheo tăng mới tu. Tỳ kheo ni không có thể nào lấy tư cách gì mà ngỏ lời nhắc nhở, giáo giới, dạy dỗ cho tỳ kheo tăng. Tỳ kheo ni phải nhập hạ ở chỗ có tỳ kheo tăng để thường xuyên nhận được lời giáo huấn, dạy dỗ. Thì đại khái tám cái điều này khẳng định một điều: tỳ kheo ni là phải đứng ở vị trí số hai trong hàng tứ chúng.

Thì cái vị tu nữ này bây giờ đã là tỳ kheo ni rồi, vị này đành đoạn phán rằng tám cái điều đó là do đời sau thêm thắt và đơm đặt. Đây là một cách nói rất nguy hiểm.

Vì vậy, trong đoạn 3 này Đức Phật ngài dạy có hai hạng: xuyên tạc và không xuyên tạc. Xuyên tạc Ngài là cái điều Ngài có nói thì họ lại nói Ngài không có nói; mà cái điều Ngài không nói thì họ bèn phán là Ngài có nói. Có những cái cách phát biểu mà tôi cho là rất thiếu trách nhiệm và vô cùng nguy hiểm của không ít người, tức là mở miệng ra là: “Bởi vậy cho nên Phật mới dạy ...” Mà tôi sợ nhất là cách nói đó.

Cứ mở miệng ra là: “Bởi vậy cho nên Phật mới dạy ...”, mà dạy cái gì thì cái phần

phía sau là phần của họ.

Cho nên đây chúng ta phải nhắc đến một bài kinh, là bài kinh Alaka. Phật dạy rằng thuở xưa có một ngôi làng tên là làng Alaka. Trong làng có một cái trống bằng da. Mỗi lần làng có chuyện làng, chuyện sở, thí dụ hội họp, thôn quan, cúng tế cần họp mặt, thì người ta bèn cho người đến đánh trống để dân làng đến tụ hội.

Mà cái trống đó xài lâu quá, cho nên chỗ nào bằng da thì có chỗ hư, chỗ nào bằng gỗ cũng có chỗ hư. Chỗ nào da hư thì đắp da mới vô, chỗ nào gỗ hư thì đắp gỗ mới vô. Cứ như vậy đến một lúc coi như là cái trống cũ không còn nữa, nó chỉ còn lại cái tên là trống Alaka thôi, nhưng mà cái da là gần như đã bị thay thế toàn bộ. Phần gỗ, tang trống, mặt trống, thân trống, tất cả đều là cái mới hết.

Thì Đức Phật dạy: “Này các tỳ kheo, cũng sẽ có một thời mà cái đạo của ta cũng lâm vào cái hoàn cảnh như vậy. Sẽ có không ít người hậu thế bảo rằng đây là lời dạy của Phật, đây là lời dạy của Thế Tôn, đây là Phật ngôn, đây là Phật pháp, nhưng cái nội dung ấy không có tinh thần, ý nghĩa hướng đến tinh thần cứu cánh giải thoát như là lời ta thuở ban đầu nguyên thủy”.

Cái này rất là quan trọng. Nhưng mà lúc đó người ta vẫn gọi là Phật pháp, Phật ngôn, giống như cái trống kia, nó chỉ còn lại cái tên trống thôi, chứ còn da, gỗ coi như bị thay thế toàn bộ. Nhớ cái đó, rất là quan trọng.

Hai hạng người đối với Chư Phật

Thì ở đây Ngài dạy, trên đời này chỉ có hai hạng người, thì đối với Chư Phật chỉ có hai thái độ thôi: một là hạng người xuyên tạc Chư Phật, và hạng người không xuyên tạc Chư Phật.

Mình mỗi ngày mình niệm Phật, mình lạy Phật, mình cúng Phật, mà trong khi đó nếu mà mình không hiểu biết giáo lý, thì trong cái hiểu của mình, trong cái nhận thức, trong cái quan điểm của mình về Phật pháp có vấn đề. Và khi mà mình có vấn đề thì mình viết lách, mình phát biểu, là mình vô hình chung mình xuyên tạc Ngài mà mình không biết.

Như tôi nhớ hồi tôi còn nhỏ, thầy bốn sư của tôi là Hòa thượng Tịnh Sự mới vừa tịch năm 1984. Năm đó tôi mới 15 tuổi. Tôi từ Long Thành về chùa của Thầy ở quận 6,

tôi gặp cái bà Tư, bộ Tăng nấu cơm ở bên đó. Bà gặp tôi bà khóc, tại vì bà gặp thì bà nhớ hồi xưa lúc Thầy còn thì tôi thường ghé ở đó.

Tôi nghịch lắm. Hồi đó tôi còn nhỏ, khoảng 10 tuổi, 11 tuổi. Buổi trưa tôi không có ngủ, tôi đi tôi lấy mấy cái vôi nước tôi xịt tùm lum hết, thành ra Ngài ra Ngài la tôi. Rồi có những ngày tôi học ở Sa Căng, học với thầy Hộ Giác. Giấc trưa tôi ghé Phú Định, thì có bữa Ngài gặp tôi, Ngài nói: “Xui rồi, trễ rồi, tới trễ rồi, bữa nay chùa có làm bánh xèo ...”

Tôi còn nhớ những cái kỷ niệm đó. Rồi Ngài đi lên trên chánh điện, Ngài hốt cho tôi mấy trái quýt. Có lần Ngài hỏi tôi vậy chứ: “Đi học bên Sa Căng có học tiếng Thái không?” Tôi nói: “Dạ có”. Khi tôi nói vậy, Ngài nói tôi viết chữ “o” tiếng Thái cho Ngài coi. Cái tôi viết, Ngài nói: “Viết vậy không có đúng. Chữ o phải ba phần, phần bụng phải hai phần ba, phần trên một phần ba”. Rồi Ngài lấy cái bút lông, Ngài viết cái chữ đó cho tôi.

Cái chuyện đó thì cái bà nấu cơm bà biết. Cho nên khi bà gặp tôi, bà mới nhớ, bà khóc, bà nói: “Không ngờ mới đây mà Thầy bây giờ Ngài đi mất rồi. Mà sư có biết không, Ngài của mình chân tu lắm, cho nên linh dữ lắm”.

Mà tôi hỏi các vị, các vị có bằng lòng nghe cái đó không? “Thương nhau kiểu đó bằng mười phụ nhau”, cụ Nguyễn Du mấy chục năm về trước đã nói vậy là sao? Khen mà khen kiểu đó là chết rồi.

Bà nói: “Bà con trong cái vùng này ai cũng thấy Ngài về hoài”. Bắt đầu bà kể: “Cô Tư nghĩa phước, rồi bà Chín nước đá, bà Tám nước sôi, bà Năm nước lạnh gì đó ...” Bà kể, bà lôi ra.

Lúc đó tôi nhỏ xíu mà tôi nghĩ trong bụng, tôi nói: “Bánh đi biên biệt sơn khô, bao giờ mới về. Có đâu mà tu rồi mà luẩn qua luẩn quẩn quanh đây cho mấy bà tám này bà thấy hả trời?”

Đó, các vị thấy không? Thương mà thương, mà hiểu lầm toác hoác như vậy đó. Cho nên nhiều khi mình nghĩ mình thương Phật, tin Phật, quý Phật, niệm Phật, học Phật, mà trong khi lời dạy của Phật mình không hiểu, thì hóa ra mình xuyên tạc, mình báng bặc Đạo sư của mình. Có đó là không hay.

Tôi nhớ có cái ông bên Houston, ông mới ra ngoài chợ ông ăn phở, mà nghe ai đó nói cái gì đó, ông nói: “Cả cái Houston này chỉ có cái chùa của sư phụ tôi là chánh pháp thôi, chỉ có chùa của sư phụ tôi là ăn mặn thôi”. Ông khen cái đạo của ông mà ông khen vậy đó, động trời không? Hỏi ông coi ăn mặn có phải là chánh pháp không?

Rồi tiếp theo là cái người không xuyên tạc, có nghĩa là cái gì Chư Phật có nói thì mình nói có, Phật dạy như vậy. Mà cái nào Phật không có nói thì mình làm ơn mình đừng có gán ghép, tội cho Ngài mà cũng tội lỗi cho mình.

Kinh cần giải thích và kinh đã được giải nghĩa

Rồi tiếp theo cái đoạn số 5, số 6 mới ghê nè. Số 5-6 là sao ta? Cái này mà không có Pali là chết. Để tôi kiểm Pali cho nó sang, chứ không có Pali nó không có sang.

“Này các tỳ kheo, ở đây có hai hạng người, người xuyên tạc và không xuyên tạc Như Lai”. Cái hạng thứ nhất gọi là ... Cái cô Giọt Mưa này cổ giời thiệt á. Bà này bà đã già rồi chứ sao mà bà lạnh, à nhảy, nhảy ...

“Người nêu rõ kinh cần phải giải thích mà lại nói rằng kinh đã được giải nghĩa. Thứ hai là đã được giải nghĩa rồi thì lại nói kinh cần được giải nghĩa.” Nếu mà cái này mà không đọc chú giải, thì trời cứu, tôi không hiểu được. Tôi chết thì dễ hơn là tôi hiểu. Chú giải nói sướng vô cùng.

“Dveme, bhikkhave, Tathāgataṃ nabbhācikkhanti. Katame dve? Yo ca neyyatthaṃ suttantaṃ neyyattho suttantoti dīpeti, yo ca nītatthaṃ suttantaṃ nītattho suttantoti dīpeti. Ime kho, bhikkhave, dve Tathāgataṃ nabbhācikkhanti”ti.

Thứ nhất đó là “neyyattha sutta”, tức là kinh cần được giải thích rõ vì có nội dung gián tiếp, ẩn dụ. Cái thứ hai là “nītattha sutta”. “Nī” là past participle, quá khứ phân từ. Là những Phật ngôn tự thân đã quá rõ ràng.

Thì ở trong chú giải mới giải thích thế này. Ở ngay trong thời pháp thứ hai sau khi thành đạo thì Phật đã khẳng định: “Vạn pháp vô ngã.” Vạn vật trong suy nghĩ của phàm phu chỉ là giả niệm, giả lập, tục đế, chế định. Không có chiếc xe trong cái đồng phụ tùng. Như vậy thì không hề có ông A, bà B nào hết, mà chỉ là ghép nối và lắp ráp của những khoảnh khắc thiện, ác, buồn, vui. Tất cả chỉ là sự lắp ghép, chấp nối của năm uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Tất cả chỉ là sự lắp ráp, ghép nối của 12 xứ, 18

giới.

12 xứ tức là 6 nội xứ, 6 ngoại xứ, 6 căn, 6 trần. Còn 18 giới là 6 căn, 6 trần và 6 cảnh. Nha.

Chớ ở đây không có người, không có thú, không có thánh hiền, không có ngu trí, không có loài người, chim muông, súc vật; không có tất thảy những cái khái niệm đó. Chỉ là giả lập, giả niệm, giả định, nha, chế định, tục đế, thi thiế, biến kế sở chấp, chứ không phải đệ nhất nghĩa đế, đệ nhất tất đàn.

Nhưng mà khi thuyết pháp thì Thế Tôn đôi khi cũng là tùy duyên mà phương tiện để mà dùng các từ ngữ:

“Nhưng này các Tỳ kheo, có ba hạng người ...”, có bốn hạng người, có tám hạng người ... Khi làm ác thì bị sanh về cõi này cõi kia như cõi địa ngục; khi làm lành thì sẽ sanh về cõi vui như nhân thiên.

Thì tất cả những cái này, địa ngục hay nhân thiên, đều phải giải thích hết, vì các cái dạng đó gọi là thuộc về cái dạng gọi là neyyattha sutta, tức là những trường hợp Ngài dùng ngôn ngữ ẩn dụ, mang ý nghĩa gián tiếp.

Là vì sao? Là vì có những chúng sinh trong đời này mà nói thẳng đơng, ngay chóc, exactly ngay chỗ cần nói, nó không có hiểu. Thí dụ như bây giờ, đa phần, 99,9% chúng sanh mà nghe cái câu: “Vạn pháp tùy duyên sanh, vạn pháp tùy duyên diệt. Bậc Đạo sư của tôi đã nói rõ duyên sanh và duyên diệt ấy.” Nghe vậy làm sao mà hiểu?

Bắt buộc phải cho họ nghe là chư Phật không mấy khi ra đời, lời dạy của chư Phật là con đường thoát khổ. Muốn thoát khổ thì phải hành trì theo lời Phật, là tu tập theo tam học: Giới - Định - Tuệ. Giới là gì? Định là gì? Tuệ là gì? Phải nói tràng giang đại hải như vậy đó, người ta mới đắc. Chứ còn cái kiểu mà: “Vạn pháp tùy duyên sinh, vạn pháp tùy duyên diệt” là làm sao mà hiểu. Nha.

Thì cho nên kinh điển có hai trường hợp. Có những trường hợp Đức Thế Tôn dùng những hình ảnh ẩn dụ, thì mình không thể ôm chặt cái đó để mà mình hiểu, mình hiểu khư khư vậy là mình chết.

Rõ ràng Ngài nói là vô ngã, không có người, không có ta, chúng sanh chỉ hiện hữu,

tồn tại, sanh tử trong từng khoảnh khắc, từng sát-na. Nha. Vậy mà sao có chỗ Ngài dạy, Ngài kể lại chuyện xưa, Ngài kể xong rồi Ngài mới nói:

“Này các Tỳ kheo, nhà vua trong câu chuyện ấy chính là ta. Cái vị quan tể tướng đó chính là Xá Lợi Phất. Cái vị quan cận vệ của vua đó chính là A-nan.”

Thì mình nghe vậy mình nói: “Chết rồi, Ngài nói vô ngã mà tại sao bữa nay Ngài lại nói đó là Ngài?” Có nghĩa là mình hình dung có một cái tôi, có một cá thể liên tục tồn tại từ đời sau kiếp khác, thì không có phải.

Cái trường hợp này là “neyyattha sutta”, có nghĩa là cái chỗ này mình phải linh động mà mình hiểu. Thế Tôn là một nhà khoa học, ở trong phòng lab thì Ngài nói chất này chất kia, nhưng bước ra ngoài Ngài phải nói một ly đá chanh; chứ không lẽ Ngài nói H₂O, acid, glucose... thì làm sao người ta hiểu. Đấy.

Ở đây cũng vậy, trong trường hợp mà Ngài thuyết pháp theo cách nói chân đế đó, thì chỉ có sát-na, chỉ có danh-sắc, chỉ có vô thường - khổ - vô ngã thôi. Nhưng mà khi Ngài nói pháp theo kiểu nói chế định, tục đế, thì Ngài phải dùng cách nói ẩn dụ, cách nói ví von, nó hơi nôm na tí ti, để cho mấy người họ hay chậm chậm, yếu yếu, dờ dờ đó, họ mới xoay sở kịp. Các vị nhớ nha, cái này quan trọng.

Thì ở đây Ngài nói rằng có những...

Chính vì họ không hiểu được hai cái này nên từ đó họ đã hiểu sai và diễn dịch sai. Cái sai ấy không chỉ mang lại cái hại cho bản thân họ, mà nó còn là đại họa cho biết bao nhiêu người khác nữa.

Nhà giáo dục mà sai lầm thì làm hại một vài thế hệ học trò, sinh viên. Một nhà chính trị mà lầm thì hại cho đất nước trong một giai đoạn. Nhưng mà một người phạm phu mà hiểu sai Phật pháp thì cái họa muôn đời không phải cho riêng mình mà cho bao nhiêu người khác.

Tôi nhớ hoài cái chuyện hồi đó tôi có giảng cho bà con nghe, vì đâu mà chư Phật có thể dễ dàng an trú vô lượng tâm đối với chúng sanh, cực kỳ dễ dàng. Là tại sao?

Là vì thứ nhất là từ: luôn luôn mong chúng sanh được vui, được tốt.

Bi là mong cho chúng sanh được vui, đừng có bị cái gì xấu xa.

Hỷ là vui vẻ, hoan hỷ với điều gì tốt đẹp mà chúng sanh có được, đó là nhân lành hay

là quả lành.

Nhưng mà cái điều thứ tư mới ghê, đó là các Ngài luôn luôn dễ dàng an trú một cái nội tâm bình thản. Thương lắm, thương lắm, tội nghiệp lắm, nhưng mà không có nặng lòng bi lụy như chúng ta. Giúp được thì giúp, nhưng mà không giúp được thì các Ngài cũng cực kỳ thanh thản. Nếu cần thì coi tất cả chỉ là tia chớp, chỉ là những tia chớp, luồng sáng lặn tắt, lặn tắt, lặn tắt... chứ không có người, không có thú, không ông A, bà B gì hết. Lòng rất là thanh thản.

Mà vì sao? Vì một ngàn lẻ một lý do.

Thứ nhất, các Ngài thấy rõ rằng mỗi chúng sanh trong đời này có cái nghiệp riêng. Mình thương họ cách mấy thì mình cũng không thể lo cho họ bằng thiện nghiệp quá khứ của họ. Mà mình có ghét họ cách mấy thì mình cũng không thể hại họ tan tác, tả tơi, te tua bằng chính cái ác nghiệp của họ. Đó là cái thứ nhất.

Cái thứ hai là Ngài thấy quá xa về mỗi cái phận người. Ngài đang ôm bát như vậy mà Ngài thấy có một anh nông dân từ dưới ruộng, tay lấm chân bùn, bò lên, mở cái giỏ cơm ra, rút một trái chuối, củ khoai đặt vào bát Ngài.

Mình thì mình nhìn mình thấy: “Trời ơi, hay quá luôn, cái ông nông dân này sau này tha hồ hưởng phước.” Nhưng mà Ngài không phải thấy cái nhỏ xíu như mình đâu, mà Ngài thấy xa thăm thẳm. Ngài biết rằng cái ông nông dân này là người có tánh khí cực kỳ hung ác. Mà bữa nay nhằm cái ngày coi như là ngày hoàng đạo hay sao đó, mà chả tự nhiên là có cái tín tâm, chắc bữa đó có cái hào quang làm sao đó. Chứ Ngài biết ngầm là cái ông này có cái máu ác.

Ngài biết rằng với cái công đức hôm nay nè, với cái trái chuối, củ khoai này là ông ta có tám trăm ngàn kiếp tha hồ hưởng phước. Mà Ngài biết luôn là có những kiếp anh này trở thành hôn quân, bạo chúa, Hitler, Mao Trạch Đông. Ngài biết chắc chắn như vậy. Ngài biết đây trở thành Võ Tắc Thiên, Catherine đệ nhất của Nga, khát máu hại người không gớm tay.

Và Ngài biết rõ cái công đức hôm nay mà nếu không có thì họa kia sẽ không có. Nhưng từ chối cách gì đây? Là vì người ta đã có cái phước duyên được gặp Ngài.

Các vị đừng có tưởng làm phước là nhân, rồi có nghĩa là nhân không cần nhân tác

động. Không. Nhân nó tạo ra quả, nhưng bản thân nhân nó tạo ra một cái nhân khác, nó cũng phải có những nhân khác khiến xui cho nó có điều kiện để mà thực hiện.

Không biết các vị có tin chuyện này không. Tôi ví dụ, như trong kinh nói: không phải ai cũng có cái duyên lành làm Sujata mà cúng dường bữa ăn cho Bồ Tát trước khi thành đạo đâu quý vị. Mà cũng không phải Phật tử nào cũng có cái duyên lành để mà cúng dường bữa ăn cuối cùng cho Thế Tôn trước khi Ngài diệt độ đâu quý vị à.

Cả đời Thế Tôn chỉ có hai cái bữa ăn đó là bữa ăn có công đức thâu trời, các vị có biết không?

Trước khi Thế Tôn viên tịch, Ngài dặn dò Ngài Anan rất là nhiều điều, mà trong đó có một điều thế này:

“Này Anan, ta mất rồi thì có thể Cunda có lòng ăn năn, day dứt khi nghe thiên hạ nói Thế Tôn đã vì thọ trai Cunda mà viên tịch, có lẽ là trong thực phẩm ấy có gì chẳng? Anan, khi đó phải nói, phải an ủi Cunda rằng: Tôi từng nghe Thế Tôn dạy như sau, cả đời Thế Tôn từ trước khi thành đạo đến khi Niết-bàn, có hai bữa ăn mà công đức đặc biệt vô lượng, bất khả tư nghị, chẳng thể nghĩ bàn. Đó là bữa ăn cuối cùng trước khi Như Lai thành đạo và bữa ăn cuối cùng trước khi Như Lai diệt độ, Niết-bàn.”

Hãy nói với Cunda như vậy.

Thì xin hỏi bà con trong room, mình mà cái thứ tào lao thì làm sao mình có cái cơ hội để mình cúng dường hai bữa ăn đó được quý vị? Quý vị nghĩ đi. Mặc dù bữa ăn đó là nhân chứ không phải là quả, nhưng mà nó có cái phước duyên làm sao đó, mình mới gặp được một cái vị Thánh mới vừa xả định. Mặc dù cúng dường là nhân, nhưng mà anh phải có cái nhân gì đó, anh mới có điều kiện để làm cái nhân lành hoặc nhân ác này.

Thí dụ như, các vị biết, các vị có cơ hội sao đó các vị mới tới đây. Chứ không, các vị đã được Hồi giáo nó chiêu mộ để mà ôm bom tự sát. Tại sao nó không chiêu mộ tôi, không chiêu mộ quý vị trong room Paltalk mà lại chiêu mộ mấy cái người khác? Tại sao?

Tại sao mà mình lại có cái điều kiện để mà mình đi câu cá, mình đi săn bắn? Mình sanh ra ở sa mạc thì ai mà rủ mình đi săn, ai mà rủ mình đi câu cá được đâu. Mà mình

sanh ra ở đồng bằng thì có ai rủ mình đi săn bắn được đâu.

Cho nên mình phải có cái nhân duyên, điều kiện, bla bla bla, tiền oan tức trái gì đó, mà bây giờ nó khiến xui mình có điều kiện để làm thiện, làm ác.

Thì ở đây cũng vậy, khi mà Ngài thấy cái ông nông dân đang bò từ dưới ruộng lên là Ngài biết đây là đại họa của chúng sanh đã tới rồi. Ngài biết chứ, Ngài biết rất rõ.

Thấy như vậy thì tôi hỏi quý vị, lòng sao không hững hờ được? Nó ngán quá đi. Biết rằng đây là Hitler, nó đang bò lên nè. Nó cúng trái chuối này là nó nằm trong tay chín mươi sư đoàn, thành viên Đức Quốc Xã. Ngài biết chắc chắn. Ngài biết rằng nó đó, nó ra V1, V2 để mà uy hiếp London. Ngài biết rằng chính Hitler làm cho hai mươi triệu dân Liên Xô tan xác, chưa kể là dân quân lính của Đồng Minh. Ngài biết.

Nhưng mà bây giờ làm sao? Đành phải chịu thôi.

Cho nên mình học kinh mình mới thấy, mình thấy chỗ đó mình mới lạnh. Học kinh, hiểu lý kinh thì mới thương quý Phật, và mới thấy rằng không nên báng bổ, xúc phạm, xuyên tạc Ngài bằng nhận thức sai lầm và suy diễn tùy tiện. Điều đó không những làm hại cho bản thân mình mà còn di họa cho đời sau kiếp khác.

Bây giờ mình qua đoạn khác, đó là: “Với người có hành động che đậy” — đoạn 7 — “chắc chắn có hai chỗ về này chờ sẵn họ.” Đó là chỗ dịch của tôi. Còn trong bản dịch ở đây là: “Một trong hai sinh thú được chờ đợi.” Mà tôi dịch là: “Với người có sở hành khuất lấp, thì họ chỉ có hai chỗ để về thôi, đó là địa ngục và bàng sanh.”

Thì cái chỗ đó là sao ta? Trong kinh gọi là paṭicchannakammata, là sở hành khuất lấp, hidden deeds, mờ ám. Là tại sao vậy?

Là bởi vì có hai chuyện mà chúng ta sẵn đây nói luôn. Xin xem lại Kinh Châu Báu, Ratanasutta, trong Kinh Tập, Suttanipāta. Thứ hai là xem trên Google theo lời Nguyễn Du về ba đức của Phật, là bi đức, tịnh đức và trí đức của chư Phật ba đời mười phương.

Trước hết, trong Kinh Châu Báu, một vị Tu-đà-hoàn không mắc vào những lỗi lầm sau đây: không phạm vào năm tội đại nghịch là chắc chắn rồi; vị đó không còn tà kiến cố định; vị đó không có lìa bỏ ... Nhưng mà đặc biệt, một vị Sơ quả Tu-đà-hoàn không hề có lòng che giấu bất cứ lầm lỗi nào của mình, chỉ vì vị ấy không hề làm cái

gì phải che giấu. Rất là logic. Không hề.

Ngay cả cái chuyện vị đó, nếu là cư sĩ, vị đó có chồng, có vợ, thì vị đó vẫn sinh hoạt bình thường, nhưng mà đó là chồng của tôi, vợ của tôi nha. Còn khi đi xuất gia, vị Sơ quả không hề vi phạm bất cứ một giới phẩm nào mà mình đã tuyên nhận trước mặt chúng Tăng, thí dụ như sa-di giới, tỳ-kheo giới, tỳ-kheo-ni giới; hoặc là cư sĩ giới gồm năm giới hay tám giới thì không có. Cho nên một vị Tu-đà-hoàn không bao giờ có cái chuyện che giấu lỗi lầm, bởi vì không có làm cái gì phải che giấu. Đó là cái chuyện thứ nhất.

Thứ hai nữa, làm ơn xem trong cũng Tăng Chi, Kinh Vaṅkasutta. Tôi thích như vậy đó, nói là phải có kinh này kinh kia.

Trong này Đức Phật Ngài dạy:

“Này các Tỳ-kheo, ai sống mà có sở hành quanh co, khuất lấp, thì khi chết họ phải sanh vào cái cảnh giới có kiểu sinh hoạt quanh co, khuất lấp.”

Quanh co, khuất lấp là sao? Là thích trốn chạy, thích bóng tối, sợ tiếng động, sợ bắt gặp, sợ bị nhìn thấy. Ví dụ như răn, chuột, chồn, mối ... Thì vì sao vậy?

“Này các Tỳ-kheo, ai mà thuở sinh thời, lúc mang thân nhân loại, mà có cái sở hành quanh co, khuất lấp, che đậy, thì họ sẽ phải sanh vào cảnh giới là kiểu sinh hoạt cũng y chang hạnh nghiệp kiếp xưa: cũng quanh co, khuất lấp, trốn chạy và sợ ánh sáng.”

Đó. Cho nên đây là cái thứ hai.

Và cái thứ ba đó là tam đức của chư Phật, gồm có trí đức, tịnh đức và bi đức. Trí đức là cái gì chư Phật cũng biết. Bi đức là ai chư Phật cũng thương. Và tịnh đức là đức lành nào chư Phật cũng có.

Nhưng mà chưa hết đâu. Cái tịnh đức còn có cái này nữa: đức lành nào chư Phật cũng có, và trong kinh giải thích thêm: dầu Thế Tôn có sống trước một ngàn người hay là giữa rừng sâu, núi thẳm kín khuất, thì Thế Tôn luôn luôn là vậy. Không hề có hai Thế Tôn như chúng ta.

Các vị có biết là nếu các vị ở gần tôi trong vòng một năm thì các vị sẽ biết tôi là thiên hình vạn trạng, muôn màu muôn vẻ ở nghĩa xấu nhất. Là bởi vì, đừng có trách, là vì tôi là phàm mà sao cấm tôi thiên hình vạn trạng, thiên biến vạn hóa. Là bởi vì trước

đám đông thì cũng phải lim dim chút đỉnh. Khi còn một mình, bởi vậy bữa hôm tôi sợ lắm. Tôi đang giảng tôi hỏi bà con có nhìn thấy tôi không, bởi vì bữa đó tôi bị đau răng. May là chỉ có răng thôi mà sợ người ta thấy. Quý vị tưởng tượng bao nhiêu cái chuyện dĩ vãng, dơ dáy, dễ dàng và giấu diếm v.v... làm sao mà yên được quý vị.

Cho nên chư Phật có cái tịnh đức là sao? Là đức lành nào Ngài cũng có. Và từ ấy suy ra, chư Phật ngồi trước một triệu người, một tỷ người, hay là lui sâu vào hang động núi cao, một mình giữa màn đêm của rừng thẳm, chỉ có chim chóc, côn trùng, thì chư Phật vẫn luôn luôn là vậy, chỉ có một mà thôi.

Chưa hết đâu. Các vị có biết rằng Thế Tôn từ lúc rời thành đi xuất gia năm 29 tuổi cho đến khi Ngài thành đạo tổng cộng bảy năm trời, tức là sáu năm khổ hạnh và một năm thành đạo, mà Ác-ma Thiên tử đã đi theo Thế Tôn suốt chừng đó năm, xem Thế Tôn có lầm lỗi gì về thân khẩu ý hay không. Mà cuối cùng khi Thế Tôn thành đạo rồi, Ác-ma Thiên tử, chuyên gia phá hoại, phải xuống quỳ lạy Phật và nói rằng:

“Bạch Thế Tôn, trong suốt bảy năm ấy, con có cảm giác rằng con giống như một con quạ mà cố mổ vào cái hòn đá vì cứ ngỡ nó là cục mỡ.”

Giống như con quạ đi tìm mỡ trong tảng đá vậy. Khiếp như vậy.

Chưa hết đâu, còn một nhân vật nữa. Đó là vua Pasenadi. Vua bằng tuổi với Thế Tôn. Thế Tôn 35 tuổi thành đạo thì vua 35 tuổi làm vua. Thế Tôn viên tịch năm 80 tuổi thì vua cũng bằng hà năm 80 tuổi.

Cái năm mà vua nghe Phật thành đạo thì vua nghe vua không có phục. Bởi vì vua nghe nói lục đại môn phái lúc đó gồm các vị giáo chủ cao niên lập trường, râu tóc bạc phơ, tiên phong đạo cốt. Có đâu là một vị thanh niên cùng trang lứa với mình, đầu xanh da trắng, mơn mơn tuổi trẻ mà có thể làm đạo sư, làm giáo chủ, có trùng trùng giáo chúng, đồ đệ, không thể nào tin được.

Vua bèn cho người theo dõi Thế Tôn, tiếng Pali gọi là caraka, thám tử, theo dõi Thế Tôn suốt bảy năm trời như vậy. Họ đã thấy Thế Tôn ăn ra sao, uống ra sao, sống một mình ra sao, sống giữa đám đông ra sao. Suốt bảy năm trời, họ về họ thưa:

“Tâu Đại vương, Thế Tôn trước sau như một. Chúng tôi không hề tìm thấy một con người thứ hai ở cái nhân cách vĩ đại ấy. Và sau nhiệm vụ này, tui tui cũng trình báo

với ngài là chúng tôi cũng đi theo Ngài luôn, chứ không có quờn ở bên ngoài nữa.”

Khủng khiếp như vậy.

Rồi một nhân vật nữa là ông bà-la-môn Pokkharasādi. Ông cũng cử người theo dõi Thế Tôn suốt một thời gian dài như vậy, mà Thế Tôn thì trước sau như một, không có gì phải che, phải giấu hết.

Nãy giờ tôi nói vậy trong đây thế nào cũng nghĩ là tôi lạc đề. Nhưng không. Tôi chỉ mô tả, minh họa thêm cái sự khác biệt giữa đại thánh đại hiền và tiểu tâm tiểu nhân nó khác nhau như thế nào. Khi mà các Ngài nói năng, suy tư, hành động, các Ngài không có như mình.

Và làm ơn xem thêm, nói cho nó sang, Kinh Sư Tử Hống, Trung Bộ Kinh. Đức Phật Ngài dạy lý do tại sao Ngài được gọi là Như Lai là bởi vì từ đêm thành đạo cho đến đêm Niết-bàn, Như Lai nói sao làm vậy, mà làm sao thì nói vậy. Trong suốt 45 năm trụ thế độ sinh ấy, những gì Như Lai nói ra thì quả đúng như vậy, không thể nói khác. Không thể sửa khác. Cách nói có thể khác nhưng nội dung trước sau vẫn vậy. Nói sao làm vậy, làm sao nói vậy, chỉ có một người là Như Lai. Nhớ nha, cái này quan trọng cực kỳ.

Định nghĩa lại chút xíu, hành động che đậy ở đây, paticchānakamata, chỉ là ác nghiệp. Hành động mà che khuất là hành động không muốn người khác biết, không muốn người khác thấy thì gọi là nghiệp xấu. Còn cái nghiệp mà mình muốn người khác thấy phải là nghiệp lành. Hiểu ngầm như vậy.

Mình để ý mình thấy có nhiều người có đồ đẹp thích khoe, làm được chuyện gì tốt thích người ta biết. Đây là điểm khác biệt của phàm phu. Còn chuyện xấu thì muốn giấu. Còn Thánh thì khác chút xíu: làm được chuyện gì hay ho thì không muốn người ta biết, bố thí bằng tay trái không muốn bàn tay phải biết, và bản thân không có làm chuyện xấu gì để giấu. Và nếu có một chút xíu lầm lỗi nào đó do ngẫu nhiên, vô ý, thì cũng ngay lập tức phát lộ ngay. Phát lộ có nghĩa là cho người khác biết.

Tôi nhớ tôi có đọc ở đâu đó một câu chuyện tương tự vậy. Ông bố được đưa con thú nhận một lầm lỗi cũng hơi bực bực. Nó lấy một món đồ trong nhà thờ từ đường, nó đem bán. Và suốt nhiều tháng hay cả một, hai năm như vậy thì ông bố ông nghi ngờ người

khác. Một ngày kia, đưa con trai này trong một lúc uống rượu với bố thì nó nói thiệt: “Lâu nay con giấu bố một chuyện. Cái món đồ đó không phải là chị Tư lấy mà là con lấy.”

“Con lấy thì bố không ngạc nhiên lắm. Nhưng tại sao con giấu chừng ấy năm mà đến bây giờ con mới nói?”

Thì nó mới nói:

“Thưa bố, bố có biết không, cái món đồ đó đem lên cân được. Cái món đồ mà con lấy thì đem lên cân được, còn cái sự ăn năn, ray rứt của con thì vô hình vô tướng, không có cân được. Nhưng bố có biết rằng nó đè con nghệt thở mấy năm trời. Con thấy con nói ra mà bố đánh, bố chửi, bố đuổi con đi, con thấy nó dễ thở, chứ con giấu nó hoài, nó ập ập ập thì con khó chịu quá đi.”

Cho nên nhiều khi cái gánh nặng tâm lý nhiều khi nó lớn chuyện lắm chứ không phải không.

Tôi nhớ cách đây có mấy hôm thôi, chuyện này nó hơi lạc đề nhưng có lợi ích. Cách đây có mấy hôm thôi, có một người Phật tử cũng bị làm ăn thua lỗ hơi nặng, có chạm tới mấy chục phần trăm gia sản. Thì người này cũng hơi sốc nặng. Người này có gọi phone nói cho tôi biết. Thấy người này sốc nên tôi cũng nói chuyện tào lao, bởi vì lúc đó không thể nói đạo được. Bởi vì chỉ cần nghe cái mùi nhang khói một cái là họ tưởng tôi đang thuyết pháp là họ trốn luôn. Cho nên tôi bèn đem một chuyện rất là đời để tôi giúp họ.

Tôi nói họ thế này:

“Cô có đồng ý với tôi là có nhiều lúc chỉ cần một thứ phiền não nào đó mà cô thấy cả gia tài sản nghiệp chỉ là con số 0 không? Nếu bây giờ mà tôi kêu cô quán vô thường, vô ngã, tam tướng, kêu cô quên chuyện mất tiền thì có lẽ cô không chịu, bởi vì nó khó lắm. Nhưng mà tôi kể cho cô nghe, bản thân cô, tôi không phải kể, mà tôi muốn cô ôn lại trong đời, vì một thứ phiền não nào đó, phiền não chứ không phải thiện pháp nha, mà cô coi toàn bộ gia tài nó không ra gì không?”

Thì cô đang ậm ừ, thì tôi nói luôn:

“Tình cảm vợ chồng, tình yêu nam nữ, hai cái đó nó có đủ cho cô thấy gia tài của cô

là con số 0 không?”

Tôi thấy hình như có. Khi mà đã thất tình rồi, khi mà đã đau khổ vì chồng, vợ của mình vì vấn đề có kẻ thứ ba, có phòng nhì ở bên ngoài đồ đó, thì cái nỗi đau lúc đó đủ để làm nhẹ đi toàn bộ gia tài. Lúc đó mình chỉ mong cháy nhà mà chồng, vợ mình không phản bội mình. Có đúng vậy không cô, có đúng không? Cô với tôi cũng tầm tuổi, cũng già như nhau, cô nghĩ coi có đúng không? Có khi nào cô biết trên đời này có chuyện đó không? Người ta sẵn sàng mong ngủ một đêm, sáng ngày thức dậy nhà bị cháy, mà cái chuyện phản bội kia của người phối ngẫu chỉ là chiêm bao thôi, là ác mộng thôi. Có không?

Cổ nói có. Tôi nói:

“Cô thấy chưa, cái gia tài của tôi nó nặng hàng bao nhiêu tấn, mà trong khi đó cái mà nó đè cô chỉ là một chút cón con trong tâm lý thôi. Chỉ vì một nỗi đau trong tình yêu, trong hôn nhân gia đình mà nó biến cho mấy chục tấn nhà cửa, tiền bạc trở nên vô nghĩa.”

Nói như vậy thì ta không nên xem nhẹ sức nặng tâm lý đâu quý vị. Không ngờ tôi nói rờn rờn, từng từng vậy mà tôi giúp được cổ nhiều. Cổ nói cổ cảm ơn tôi. Cổ nói:

“Coi bộ cái này xài được nè Sư. Con thấy Sư nói cái vụ này xài được. Không nghe Sư nói đến Phật pháp mà Sư lại đem một cái chuyện rất là đời ra Sư hỏi con. Sư hỏi con có bao giờ vì một chuyện bất thiện mà xem nhẹ tài sản không. Thôi thì cái số mất ấy cũng là chuyện bình thường thôi.”

Mà tôi còn tặng cổ một câu cuối cùng trước khi cúp máy. Tôi nói:

“Cô ơi, dầu sao cô cũng còn có phước để có cái mà mất, chứ biết bao nhiêu người trong cái gầm trời này không đủ phước để có cái mà mất. Cái phước làm chủ của mình nó tới đó thôi, nó đội nón nó đi. Cho nên dầu sao mình cũng hơn số người không có cái để mất.”

Mà vì không hiểu được cái đạo lý này cho nên khi bị mất người ta mới đau.

Cho nên Alexander the Great, trước khi mất ông nói:

“Khi mà trầm chết rồi, thì cái hòm của trầm phải khoét hai cái lỗ để trầm đưa hai bàn tay ra ngoài, đó là điều thứ nhất. Cái mong mỏi thứ hai là người khiêng hòm cho trầm

phải là mấy quan ngự y, mấy ông thầy thuốc. Số ba là bao nhiêu châu báu mà tùy táng đừng bỏ vào quan tài mà phải rải chung quanh những huyết mộ của trẫm.”

Thì mấy ông quan hỏi là vì sao vậy. Ông vua nói:

“Thứ nhất, liệm trẫm, đừng nắp hòm mà vẫn khoét cái lỗ để trẫm đưa hai cái tay ra ngoài để cho người đời sau hiểu rằng một ông đại đế chết rồi, hai bàn tay vẫn không có gì hết. Thứ hai, cái người khiêng hòm cho trẫm phải là mấy ông thầy thuốc, để đời sau hiểu rằng thầy thuốc đầu giỏi cỡ nào cuối cùng cũng phải khiêng xác bệnh nhân mà đi chôn. Cái điều thứ ba đó là bao nhiêu châu báu tùy táng không nên bỏ trong hòm, mà phải rải xung quanh mộ để người đời sau thấy rằng gia tài cỡ nào cũng chỉ mang theo tới đó thôi chứ không có mang đi xa hơn được.”

Dĩ nhiên và dĩ nhiên, cái câu chuyện đó tôi nghĩ rằng 99,9% là truyền thuyết, là giả sử, là tào lao, là nói dóc. Nhưng mà ý nghĩa của nó theo tôi là cực lớn, và hình như nó quý hơn cả châu báu tùy táng quanh mộ của vua Alexander the Great.

Cho nên ở đây tôi nói vấn đề sức mạnh tâm lý là ở chỗ đó đó, thưa quý vị.

Có thì có tự may mắn,

Không thì ...Cả thế gian này cũng không,

Kìa xem bóng nguyệt lòng sông,

Ai hay không có, có không là gì?

Nghĩa:

Bảo là “có”, thì nhỏ nhoi như hạt bụi cũng có.

Bảo là “không”, thì tất cả thế gian đều không.

Có” và “không” như ánh trăng dưới nước.

Đừng có bám hằn vào cái “có”, cũng đừng cho cái “không” là không.

Rồi tiếp theo, Đức Phật Ngài dạy đoạn 8: cái người mà có chánh kiến thì hy vọng khi chết rồi sanh vào lạc cảnh, cõi vui. Còn tà kiến rồi là sao? Thấy sai, thấy nhầm.

Mà các vị biết rồi, chánh kiến là sao ta? Nói nôm na là mắt sáng, thấy đúng đường, đi không lọt hố, không sập ổ gà, không có tai nạn. Còn cái thứ mà ra lộ mà nhắm mắt, bịt mắt như ninja, bị mù, thì hỏi làm sao ra lộ mà không bị tai nạn được.

Thì ở trong cái cõi luân hồi nó là một con đường cao tốc. Mà chỉ cần anh bị gọi là loạn thị, cận thị, viễn thị, chứ đừng nói là khiếm thị, mà trong khi anh bị một thứ đó là anh đã chết rồi. Trong khi nhiều gia đình còn bị thêm cái bệnh “siêu thị” nữa, có nghĩa là cứ thấy 70% hạ giá là nhào vô liền. Đó là bệnh siêu thị. Còn ở đây mình chỉ nói trên xa lộ thôi. Chết trong phố, còn chết ở ngoài lộ thì gọi là bệnh loạn thị, cận thị và viễn thị.

Thì cái thẳng cha tà kiến, chả chắc chắn bị đọa là bởi vì trên cao tốc của cuộc đời, trên cao tốc của sanh tử, chả lại thấy sai. Người ta đổi làn bên trái mà chả tưởng bên phải, nhào vô, hai đường thẳng song song bỗng gặp nhau ở một điểm, thế là chàng về với Chúa.

Tà kiến là gì? Tà kiến là không thấy đường đi, hoặc là thấy nhầm, thấy sai, trông gà hóa cuốc. Đó là người tà kiến. Còn chánh kiến là người có sao thấy như vậy thì mới đi đúng đường, về đúng nơi được.

Nói gọn lại, chánh kiến là không mắc vào thường và đoạn kiến, còn tà kiến là mắc vào một trong hai tà kiến ấy. Cái đó đã nói rồi, thường kiến có ba và đoạn kiến có ba. Tôi mà nói nữa thì coi như tôi chết, tôi quá sức mệt rồi.

Tiếp theo nữa, Ngài nói có giới, người có giới đi lên nhiều hơn người không có giới. Vì chúng ta có nghe câu: “Ngũ giới bất trì thì nhân thiên lộ triệt”, có nghĩa là cái căn bản đạo đức là năm giới mà không có thì đường trời đóng sầm.

Rồi tiếp theo nữa là đoạn số 9, Ngài dạy rằng đó là Ngài hoan hỷ với trú xứ xa vắng. Và một đoạn kinh khác, cũng ở trong Tăng Chi, Đức Phật Ngài dạy rằng:

“Này các tỳ kheo, ta luôn tán thán và hoan hỷ với trú xứ xa vắng, độc cư. Này các tỳ kheo, khi mà Như Lai sống một mình trong rừng, Như Lai luôn cảm thấy an lạc và thoải mái, ngay cả cái việc đại tiện và tiểu tiện.”

Tôi không nghĩ có một vị giáo chủ cao siêu nào mà lại đơn giản đến vậy. Ngài nói một chuyện rất là cụ thể, rất là nôm na, rất là tán thán.

Vì có một đoạn kinh khác, Ngài dạy:

“Này các tỳ kheo, khi mà Như Lai nhìn thấy một tỳ kheo ngồi ngủ gục trong rừng thì ta vẫn hoan hỷ. Vì ta nghĩ rằng, một lát nữa đây, khi cơn buồn ngủ qua đi thì tỳ kheo

này sẽ lại tiếp tục tinh tấn. Trong khi đó, ta nhìn thấy một tỳ kheo sống ở làng, ta không hoan hỷ, vì ta nghĩ rằng vị này sớm muộn gì sẽ bị phiền phức bởi các cư sĩ tục gia, hoặc là đem đến vị này bức mình, hoặc là đem đến vị này những cám dỗ.”

Đặc biệt như vậy.

Và bây giờ ta quay lại cái mà ta đang học. Ở đây Ngài nói rằng Ngài rất hoan hỷ với cái trú xứ xa vắng vì hai lợi ích sau đây.

Thứ nhất, khi Ngài sống trong đó, Ngài cảm thấy an lạc, bởi vì Ngài không có phải nhìn thấy, không phải nghe, không nghe không nhìn những cái thứ phức tạp của cõi nhân gian, ô trược. Tuy là Phật không có phiền não, nhưng các vị tưởng tượng xem, giờ nghe mấy thứ rồi chiên xào nấu nướng, rồi mùi cống, mùi rác, mùi chất thải công nghiệp, thí dụ như vậy đó. Chứ thời đó làm gì có.

Thì các vị tưởng tượng, khi mà sáu căn của mình phải đối phó với sáu trần trời ơi đất hỡi, hay là sáu trần dễ thương, thì tất thấy đều là phiền não, đều là phiền phức. Cho nên ở đây, cái chuyện đầu tiên Ngài nói là sống một mình, sống nơi hẻo lánh, xa vắng, thì chuyện đầu tiên là mình được hiện tại lạc trú, được thoải mái ngay trong đời này, kiếp này, gọi là an lạc hiện tiền.

Cái thứ hai là lòng thương tưởng chúng sanh về sau. Thì ở trong chú giải mới nói, lòng thương tưởng chúng sanh về sau là sao ta? Đó là Ngài có lòng Ngài thương, Ngài nghĩ đến những vị đệ tử Ngài về đời sau. Có nghĩa là hôm nay, khi mà Ngài sống ẩn cư, sống ở chỗ thanh vắng như vậy đó, thì đời sau họ cũng nghĩ rằng: Chư Phật, thầy ba cõi, cha lành của tứ sanh, là thiên nhân đạo sư, vậy đó mà các Ngài vẫn hoan hỷ trong đời sống xa vắng, nói chi mình là người còn nhiều việc phải làm, nhiều cái phải học, nhiều cái phải hành.

Thứ hai, phải nói rằng nếu bậc đạo sư không tán thán đời sống xa vắng thì có thể gây cho đông đảo đệ tử về sau, họ nghĩ rằng tu hành là phải chùa to tượng lớn, mái vàng dát ngọc dát ngà, tu là phải có cơ sở, cơ ngơi hoành tráng thì mới gọi là tu. Thì như vậy là cái đại họa cho chúng sinh.

Nên Ngài mới cho thấy rằng, dầu cho bản thân Ngài đó, Ngài có biết bao sự hộ trì, cung đón của các đại gia, đệ tử, vua chúa, đại thần, nhân dân gì đi nữa, thì Thế Tôn

luôn luôn tán thán đời sống xa vắng, độc cư, nhàn tịnh ở núi rừng, ở những chỗ xa dân cư.

Là bởi vì sao? Là bởi vì ở chỗ đó, điều kiện tu học cho các đệ tử sẽ tốt hơn, và đồng thời bản thân người độc cư xa vắng họ cũng được an lạc hiện tiền. Đây là một điều rất đáng để mình quan tâm.

Phải nói rằng, hôm nay cũng có nhiều người họ nói với tôi, họ nói rằng:

“Họ muốn hành thiền, sao khó quá Sư.”

Thì tôi mới hỏi thế này:

“Anh ơi, cô ơi, anh nói anh tu mà anh tu ở đâu?”

Nếu mà anh hành thiền mà ở nhà phố ầm ầm, rồi trong nhà có con nít, có trẻ em, rồi có bà Tám, bà Tư, rồi bà hò, bà hét, rồi bà ăn rồi bà alo gọi làng trên xóm dưới, thì thiền cái nổi gì.

Cho nên tại sao mình cần đến thiền viện? Là vì ở đó mình có bối cảnh, mình có không gian thích hợp.

Tại sao mình thích chạy bộ trong công viên, người ta thích ra bờ biển? Vì ở đó, chạy ở đâu cũng là chạy thôi, nhưng mà chạy ngoài đó nó có bối cảnh, nó có không khí. Chứ mà chạy vòng vòng ở trong xóm, cũng thiếu bối cảnh, thiếu không khí lắm.

Cho nên muốn tu tập, muốn dưỡng tâm, ít nhất mình cũng phải có cái thuận cảnh, thuận duyên. Mà chưa kể một chuyện nữa, khi mà mình sống ở cái chỗ ồn ào náo nhiệt như vậy đó, thì mình có nhiều chuyện phải làm, tâm tư bị ảnh hưởng, công việc thì trùng trùng điệp điệp.

Cho nên nơi đây Ngài tán thán cái chỗ đó đó.

Thứ hai nữa, tôi nhớ tôi có nói một chuyện đó là: chúng ta phải ở chỗ trống mà phải tu bằng cái tâm trống. Ở chỗ trống là chỗ không có nhiều dân cư. Còn tu bằng cái tâm trống là sao? Có nghĩa là khi mình muốn tu thiền chỉ, thiền quán rất ráo, thì ngoài cái chuyện chỗ trống xa người, thì còn cái chuyện tâm trống xa cảnh.

Là sao? Là phải cắt mọi liên lạc internet, rồi phone, để một thời gian dài như vậy không có tiếp xúc với cái chuyện mình thích, mình ghét, chuyện vui, chuyện buồn. Lúc đó thì những cái kỷ niệm, ấn tượng, hoài niệm cõi nhân gian, phiền lụy, phồn tạp,

nó mới nhạt dần. Lúc đó tha hồ mà từ bi hỷ xả.

Còn cái kiểu ngày ngày cứ lên Facebook coi cái mặt này, nhìn cái mặt kia, để coi nó viết cái gì, rồi nó phiền lụy, nó ray rứt, nó trăn trở, nó thao thức, nó khó chịu, kiểu như kiến cắn, ong chích, thì làm sao mà tu nổi. Cho nên tu bằng cảnh trống mà tâm cũng phải trống.

Rồi bây giờ cuối cùng là đến cái kinh gì đây, cho nó xong cái món nợ đời này đi, chứ nó ngán quá rồi.

Ở đây Ngài tán thán: thế nào gọi là hai pháp dẫn đến trí tuệ giác ngộ, gọi là thánh trí? Ở đây gồm chỉ cho thiền chỉ và quán.

Tức là samatha là định học, chủ yếu lấy sự tập trung tư tưởng vào đề mục nào đó, bốn mươi đề mục, để làm hai việc: là kiểm soát phiền não và tăng cường khả năng định tâm.

Còn quán là vipassana, chính là tuệ học, chủ yếu dùng niệm để biết thân tâm đang thiện ác, buồn vui, đang sinh hoạt thế nào. Tức biết cái how.

Và khía cạnh hai của vipassana là dùng tuệ để biết thiện ác, buồn vui, từng sinh hoạt thân tâm ấy thực ra là gì. Tức biết cái what. Niệm biết cái how và tuệ biết cái what. Đại khái là vậy.

Thì mình sống Tứ niệm xứ là sao ta? Trước hết là chỉ quán đã nói rồi, tức là chủ yếu hành giả tập trung tư tưởng để mà dọn bãi cho tuệ quán làm việc.

Và ở đây có bốn hạng hành giả tu vipassana. Hành giả vipassana tiếng Pali kêu là vipassaka. Cái người mà thực hành pháp môn vipassana đó thì được gọi là vipassaka. Cũng giống như bike là xe đạp, mà biker là người đi xe đạp. Thì ở đây cũng vậy, người mà tu theo vipassana thì được gọi là vipassaka.

Thì có tất cả là bốn hạng:

Một là samatha trước, rồi vipassana sau.

Hạng hai là vi trước, sa sau.

Hạng ba là sa và vi cùng lúc, tức là chỉ quán song tu.

Hạng bốn là chỉ tu vipassana mà thôi.

Thì chỉ có bốn hạng này mới có thể chứng thánh, không hề có hạng thứ năm. Bởi vì

cái samatha này là định, vipassana này là tuệ. Mà tại sao người ta nói: giới năng sinh định, định năng sinh tuệ, mà tại sao có hạng thứ tư? Tại sao?

Là vì ta phải hiểu có ba thứ định.

Một là khanikasamadhi, tức là khả năng tập trung tư tưởng trong từng khoảnh khắc.

Cái thứ hai gọi là appanasamadhi, có nghĩa là kiên cố định, tức là khả năng tính từ trình độ sơ thiền trở lên.

Cái thứ ba là upacarasamadhi, nghĩa là cận định, tức là khả năng tập trung tư tưởng của người sắp đắc kiên cố định.

Không biết ghi vậy hiểu không ta? Alo. Ghi vậy mà không hiểu thì coi như tôi không biết phải làm sao. Tôi cố ý tôi lật ngược cái trật tự là vậy.

Cái hạng thứ nhất là khanikasamadhi, loại định thứ nhất, nghĩa là khả năng tập trung tư tưởng trong từng khoảnh khắc. Thì chẳng ăn trộm nó đi, nó cạy cửa, nó mở khóa, nó cũng xài cái loại định này, nhưng mà cái loại định giống như vậy thôi, chứ nó không gọi là sát-na định, là bởi vì nó dùng cái đó cho việc bất thiện. Chứ còn nói theo trong A-tỳ-đàm thì cái tâm sở cũng là cái tâm đó đó.

Rồi khi mình lật rau, cắt móng, làm mặt, nặn mụn, đánh phấn, tô son, tất thấy đều dùng định hết. Nhưng mà những định này là định tào lao, không gọi là sát-na định, nhưng mà nó là nó đó.

Ví dụ như con dao, một con dao hung khí nó khác với con dao dụng cụ. Con dao dụng cụ thì dùng để làm việc, còn con dao dùng để gây án thì gọi là con dao hung khí. Chỉ vậy thôi.

Rồi còn cái kiên cố định là khả năng định tâm của cái người đắc từ sơ thiền sắc giới cho đến phi tưởng phi phi tưởng của vô sắc giới. Còn cái ông cận định là khả năng tập trung tư tưởng của người sắp đắc thiền cố định. Thì cái khả năng này nó lâu hơn, nó có thể lâu hơn cái sát-na định, bởi vì nó có thể kéo dài trong suốt nhiều giờ đồng hồ liên tục.

Và ở đây tôi cũng nói câu này. Các vị có biết cái khả năng trí tuệ gồm có trí nhớ và trí hiểu của chúng ta, rồi cả cái khả năng trí nhớ, trí hiểu, tập trung tư tưởng của mỗi người không có tệ đâu quý vị. Mà bởi vì lý do chúng ta không biết dùng nó đúng chỗ,

cho nên chúng ta khi cần dùng nó để tu tập, chúng ta thấy hình như nó bị thiếu.

Chứ chẳng hạn như tôi, tôi đâu có thiền định gì đâu. Mà trong khi đó, quý vị biết cái chỗ ở tôi cách đường ray xe lửa chỉ có mấy mét thôi. Mà có nhiều lúc tôi đang bận tâm cái gì đó, cái xe lửa nó đi ngang tôi không có hay, khoảng tầm hai mươi mét thôi quý vị, mà xe lửa đi ngang tôi không có hay. Rồi nó qua rồi, tôi mới sực nhớ: “Ủa, hình như xe lửa mới qua hả ta?” Thì tôi mới liếc mắt, tôi thấy nó đã tới chân trời.

Tôi nói cái đó cho bà con không phải để khoe, có gì đâu mà khoe. Đang nghĩ đến chuyện tùm lum thì có gì đâu khoe. Nhưng mà tôi muốn nói đó là có những khi vì tập trung một chuyện gì đó mà mình coi như là không có nghe thấy cái gì chung quanh hết. Điều đó cho thấy khả năng định tâm của mình không có tệ, mà chẳng qua mình không biết cách dùng nó thôi. Đó là một chuyện.

Chuyện thứ hai là cái khả năng nhớ và hiểu của mình. Nhiều người họ than với tôi: “Trời ơi, sao mà con dở quá Sư ơi. Con nghe trước quên sau. Con buồn quá. Con nguyện kiếp sau sinh ra cái gì con cũng nhớ.”

Tôi nói: “Nè, nè, coi chừng điên đó nha. Cái gì cũng nhớ coi chừng khủng á.” Đó là chuyện thứ nhất.

Chuyện thứ hai, thật ra cái trí nhớ của cô không hề kém cạnh một ai trong cái cõi vũ trụ này hết. Chẳng qua cái đầu của mình nó chứa toàn là nùi dẻ không. Cái tử mà nó chứa toàn là quần rách không, thì làm sao mà nó còn có chỗ chứa đồ hiệu được. Muốn có chỗ chứa đồ hiệu thì anh phải lôi cho bằng được cái đồng nùi dẻ đó ra, nó mới có chỗ để anh nhét ba cái đồ hiệu đó vô. Chứ cái tử của anh không có nhỏ đâu nha, cái tử của anh bẩm sinh không có nhỏ đâu.

Ở đây cũng vậy, cái sức nhớ, sức hiểu, sức tập trung trí tuệ của các vị nó không có tệ. Mà chẳng qua là quý vị không có xài đúng chỗ, không có phát hiện ra nó, hoặc không.

Có tự tin vào chính mình.

Ở đời có hai hạng tôi ghét. Đó là hạng thứ nhất, không ra gì mà cứ thấy mình quá xá nhiều. Hạng thứ hai là mình không ngờ là mình có. Cả hai hạng này đều đáng trách hết.

Ok, hết giờ rồi. Xin hẹn các vị ngày mai. Chúc các vị một ngày vui, một đêm an lạc, nhiều an lạc.